

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/
 State Securities Commission
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/
 Hà Nội Stock Exchange.

1. Thông tin khái quát/ Overview

- Tên Doanh nghiệp/Company Name: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM/PetroVietnam Power Services Joint Stock Company;**
- Tên tiếng Anh/English Name: PetroVietnam Power Services JSC.;
- Tên giao dịch//Trading Name: PV Power Services;
- Mã số doanh nghiệp/Enterprise code: 0102560459. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp sửa đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024/ issued by the Department of Planning and Investment of Hanoi City, 12th amendment on May 20, 2024;
- Vốn Điều lệ/Charter Capital: **150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ đồng/One hundred and fifty billion VND);**
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu/Owner's Investment Capital: 150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ đồng/ One hundred and fifty billion VND./.);
- Địa chỉ giao dịch/Trading Address: Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội/7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban Area, My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City;
- Điện thoại/Phone: (84-24) 3 7878186 Fax: (84-24) 3 7878185;
- Website: www.pvps.vn;
- Mã cổ phiếu/Stock Code: **PPS.**

1.1. Thành lập/ Establishment

- Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) nay là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP thông qua Đề cương thành lập một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam/
On July 16, 2007, the Board of Members of PetroVietnam Power Corporation (PV Power), now known as PetroVietnam Power Corporation - JSC, approved the establishment of several joint-stock companies, including the plan to establish PetroVietnam Power Services Joint Stock Company.
- Ngày 27/11/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103021005 với vốn Điều lệ là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Tính đến thời điểm hiện nay, PV Power Services đã 12 lần thay đổi đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh/thay đổi địa chỉ giao dịch/đại diện pháp luật Công ty/
On November 27, 2007, the company was granted its initial business registration certificate No. 0103021005 by the Department of Planning and Investment of Hanoi City, with a charter capital of VND 150,000,000,000. Up to now, PV Power Services has made 12 amendments to its business registration, including changes in business scope, trading address, and legal representation.

1.2. Niêm yết/Listing

- Ngày 28/12/2010, PV Power Services được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 305/2010/GCNCP-VSD chính thức chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch HNX với mã giao dịch PPS/
On December 28, 2010, PV Power Services was granted a Securities Registration Certificate No. 305/2010/GCNCP-VSD by the Vietnam Securities Depository (VSD) and was officially approved for securities depository and listing on the Hanoi Stock Exchange (HNX) under the trading code PPS.
- Ngày 07/01/2011, chứng khoán PPS của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chính thức phiên giao dịch đầu tiên trên sàn HNX với khối lượng trên 100.000 giao dịch thành công/
On January 7, 2011, PPS shares officially began trading on the HNX with over 100,000 successful transactions.

2. Ngành nghề kinh doanh - Địa bàn hoạt động/ Business sectors and operational areas

2.1. *Ngành nghề kinh doanh/ Business Sectors*

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin/ *Installation of machinery and industrial equipment. Installation, calibration, commissioning, maintenance, and upgrading of telecommunications information systems, distributed control systems, and other systems in the field of information technology applications;*
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV, công suất đến 4.000 MW/ *Other related technical consulting activities. Electrical engineering consulting for the management and construction of electrical-electronic systems and automation for power plants, substations, and industrial technology lines with voltage levels up to 500KV and capacities up to 4,000 MW;*
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 4.000 MW/ *Technical inspection and analysis: Commissioning testing, periodic calibration testing, regular maintenance, and troubleshooting of power plants, transmission lines, substations, and industrial technology lines with voltage levels up to 500KV and capacities up to 4,000 MW;*
- Sửa chữa thiết bị khác: Dịch vụ kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan/ *Repair of other equipment: Technical services, maintenance, overhaul, and repair of power plants, including main plant equipment and related components; Maintenance and servicing of building technical systems; Maintenance and servicing of fire prevention and firefighting systems.*
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác: Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác/ *Wholesale of machinery and other mechanical equipment: Trading in materials, machinery, and integrated equipment systems for the electricity, telecommunications, and other industrial sectors; Wholesale of machinery and equipment for*

industries such as manufacturing, electricity, oil and gas, fire prevention and firefighting, commerce, maritime, and other services;

- Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV/
Installation of electrical systems: Installation of electrical equipment for power plants, substations, and industrial technology lines with voltage levels up to 500KV;
- Giáo dục khác: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).../
Other education not classified elsewhere: Training and providing human resources for the management, operation, maintenance, repair, and technology transfer of power plants and industrial facilities (operational only upon approval from competent authorities);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác/
Other manufacturing not classified elsewhere: Investment in manufacturing electrical equipment and spare parts for the electricity, oil and gas, and other industrial sectors;
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông/
Other telecommunications activities: Telecommunications service agency business;
- Sản xuất điện: Dịch vụ vận hành Nhà máy điện, thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí, điện gió, điện mặt trời, điện khác (điện rác)/
Electricity production: Operation services for power plants; Hydropower, coal-fired power, gas-fired power, wind power, solar power, and other energy sources (waste-to-energy);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh/
Other business support services not classified elsewhere: Import and export of company-traded goods;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây lắp các công trình công nghiệp/
Construction of other civil engineering works: Industrial construction and installation;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình);
Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ

thông tin/ *Other specialized, scientific, and technological activities not classified elsewhere: Consulting, translating, and compiling technical solutions to enhance power plant efficiency, energy-saving solutions, new energy, renewable energy, and industrial equipment systems (excluding construction design); Providing integrated installation solutions for telecommunications and information technology systems; Environmental monitoring services for emissions, wastewater, etc., at plants; Consulting on planning and maintenance processes for civil and industrial construction companies;*

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng/*Real estate business, land use rights belonging to the owner, user, or lessee: Leasing office spaces;*
- Xây dựng công trình công ích: Thi công xây lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp dân dụng/ *Construction of other public utility works: Construction and installation of substations, transmission lines, electrical systems, automated measurement and control systems, telecommunications information systems, and water supply and treatment systems for industrial and civil works;*
- Truyền tải và phân phối điện (trừ truyền tải và phân phối điện lưới quốc gia)/ *Transmission and distribution of electricity (excluding national grid transmission and dispatch);*
- Bán buôn phụ tùng, bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy/ *Wholesale of spare parts and accessories for motorcycles and motorbikes;*
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp/ *Wholesale of machinery, equipment, and spare parts for agriculture;*
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại/ *Wholesale of metals and metal ores;*
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy, phân bón, thuốc trừ sâu, sản phẩm nông hóa; Bán buôn cao su; Bán buôn hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm); Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Trừ các loại Nhà nước cấm)/ *Other specialized wholesale not classified elsewhere: Wholesale of fire prevention and firefighting equipment, fertilizers, pesticides, agrochemicals; Wholesale of rubber; Wholesale of chemicals (excluding state-restricted chemicals); Wholesale of metal and non-metal scrap and waste (excluding prohibited items);*

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ thiết bị phòng cháy, chữa cháy/ *Retail of other new goods in specialized stores: Retail of fire prevention and firefighting equipment;*
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: ho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan/ *Warehousing and storage: Warehousing and storage in bonded warehouses.*
- Bốc xếp hàng hóa/ *Cargo handling;*
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa/ *Other transport-related support activities: Freight forwarding; Collection and transmission of transport documents and waybills; Customs brokerage activities; Related activities such as packaging goods for transport protection, unloading cargo, sampling, and weighing goods;*
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí/ *Installation of water supply and drainage systems, heating, and air-conditioning systems;*
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong nghề xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh; Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy/ *Installation of other construction systems: Installation of industrial equipment in construction and civil engineering, including elevators, escalators, automatic doors, lighting systems, dust extraction systems, sound systems; Installation of fire prevention and firefighting systems;*
- Hoàn thiện công trình xây dựng/ *Finishing construction works;*
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông/ *Wholesale of electronic and telecommunications equipment and components;*
- Sửa chữa máy móc, thiết bị/ *Repair of machinery and equipment;*
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học/ *Repair of electronic and optical equipment;*
- Sửa chữa thiết bị điện/ *Repair of electrical equipment;*
- Sản xuất Pin và ắc quy/ *Production of batteries and accumulators;*
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không gồm các dịch vụ tư vấn tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm và tư vấn pháp lý)/ *Management consulting*

- activities (excluding financial, audit, securities, insurance, and legal consulting services);*
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Hoạt động trang trí nội thất/ *Specialized design activities: Interior decoration services;*
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển/ *Rental of machinery, equipment, and other tangible goods without operators;*
 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước/ *Labor supply and management: Domestic labor supply and management services;*
 - Hoạt động bảo vệ tư nhân: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ/ *Private security activities: Security service business;*
 - Dịch vụ hệ thống đảm bảo an toàn: Giám sát hoặc giám sát từ xa của hệ thống báo động an toàn điện tử, như báo trộm hoặc báo cháy, bao gồm cả việc bảo dưỡng/ *Security system services: Remote monitoring or direct monitoring of electronic alarm systems, such as burglary and fire alarms, including maintenance services;*
 - Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp/ *General support services;*
 - Vệ sinh chung nhà cửa/ *General cleaning of buildings;*
 - Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt: Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; Vệ sinh máy móc công nghiệp; Dịch vụ vệ sinh khu nhà và công trình khác/ *Industrial and specialized cleaning services: External cleaning services for buildings, offices, factories, stores, agencies, and multi-purpose buildings; Industrial machinery cleaning; Cleaning services for buildings and other structures;*
 - Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan/ *Landscape care and maintenance services;*
 - Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp/ *General office administrative services;*
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng/ *Wholesale of materials and other installation equipment in construction;*
 - Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật/ *For conditional business sectors, enterprises may only operate when meeting the legal requirements.*

2.2. **Địa bàn hoạt động/Operational Areas:**

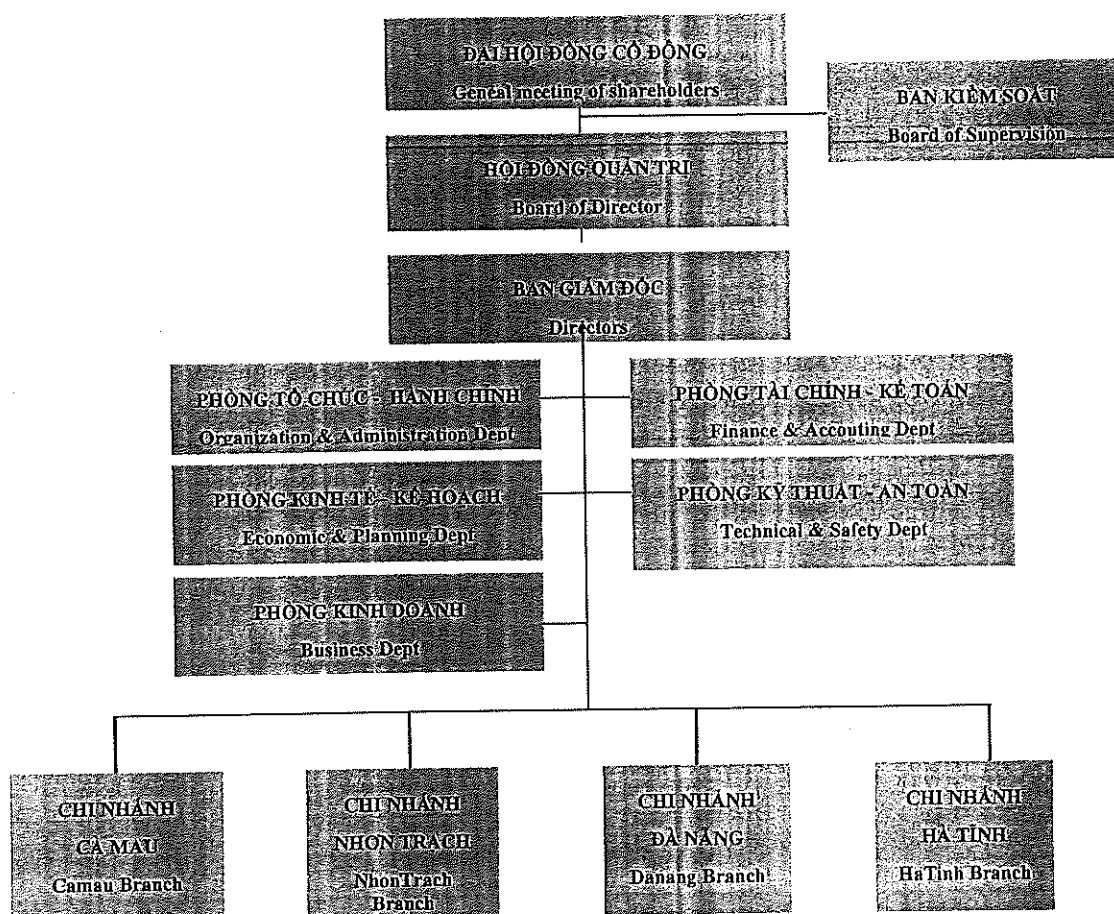
- Nhằm tiếp cận thị trường và đặt nền móng cho việc thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp tại khu vực phía Nam, ngày 03/8/2009, PV Power Services thành lập hai Chi nhánh Nhon Trach và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhon Trach 1&2 và Nhà máy điện Cà Mau 1&2/ *To access the market and lay the foundation for establishing direct production units in the southern region, on August 3, 2009, PV Power Services established two branches in Nhon Trach and Ca Mau, initially setting up direct production units to support repair and maintenance work at Nhon Trach 1 & 2 Power Plants and Ca Mau 1 & 2 Power Plants;*
- Ngày 12/12/2011, PV Power Services thành lập Chi nhánh Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện, đơn vị chuyên ngành điện lực và tự động hóa điện lực/ *On December 12, 2011, PV Power Services established the Da Nang Branch – Electrical Testing Center, specializing in electric power and automation;*
- Ngày 26/01/2015, Chi nhánh PV Power Services tại Hà Tĩnh được thành lập với nhiệm vụ thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và làm tiền đề tiếp cận và thiết lập bộ máy sản xuất trực tiếp tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2/ *On January 26, 2015, the Ha Tinh Branch was established, tasked with the maintenance and repair of Vung Ang 1 Thermal Power Plant and serving as a stepping stone for approaching and setting up a direct production unit at Thai Binh 2 Thermal Power Plant.*
- Ngày 22/4/2016, thành lập Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2/ *On April 22, 2016, the Production Preparation and Maintenance Division for Thai Binh 2 Thermal Power Plant was established;*
- Ngày 05/10/2023, giải thể Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2/ *On October 5, 2023, the Production Preparation and Maintenance Division for Thai Binh 2 Thermal Power Plant was dissolved;*
- Ngoài ra PV Power Services còn tham gia bảo dưỡng sửa chữa một số nhà máy thủy điện nên có địa bàn hoạt động rộng rãi tại Hòa Na, Quế Phong (tỉnh Nghệ An), Đắkđrinh (tỉnh Quảng Ngãi)...; Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn (tỉnh Quảng Ngãi); Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh; các NME thuộc Tập đoàn TKV; Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát (tỉnh Lào Cai); Nhà máy Thủy điện Chư Pông Krông (tỉnh Đắk Lắk).../ *Additionally, PV Power Services also participates in the maintenance and repair of several hydropower plants, resulting in an*

extensive operational network, including: Hua Na, Que Phong (Nghe An province); Đắkdrinh (Quang Ngai province); Binh Son Refinery and Petrochemical Plant (Quang Ngai province); Nghi Son Refinery and Petrochemical Plant (Thanh Hóa province); Formosa Hà Tĩnh Co., Ltd; BOT Nghi Son 2 Thermal Power Plant; Mong Duong 2 Thermal Power Plant; Thang Long Thermal Power Plant; Various power plants under TKV Group; Ngoi Phat Hydropower Plant (Lao Cai province); Chư Pông Krông Hydropower Plant (Dak Lak province).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information on Governance Model, Business Organization, and Management Structure

3.1. *Mô hình quản trị theo Mục a Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp/ Governance Model: The governance model follows Point a, Clause 1, Article 137 of the Enterprise Law.*

3.2. *Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management Structure:*



3.2.1. Đại hội đồng cổ đông/General meeting of Shareholder

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty/ *The General Meeting of Shareholders (GMS) consists of all shareholders with voting rights and is the highest authority of the Company. It exercises its rights and responsibilities by determining the development direction, deciding on business plans and production tasks, increasing (or decreasing) charter capital, distributing profits and dividends; amending and supplementing the Company's Charter; electing, dismissing, or removing members of the Board of Directors (BODs) and the Board of Supervision; deciding on the reorganization or dissolution of the Company; and other rights and duties as stipulated by law and the Company's Charter.*

3.2.2. Hội đồng quản trị/Board of Directors

Hội đồng quản trị (HĐQT) là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra. HĐQT gồm một (01) Chủ tịch HĐQT và bốn (04) thành viên (trong đó có 01 thành viên độc lập). HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty do ĐHĐCĐ giao phó, thực hiện trách nhiệm giám sát hoạt động của Người điều hành Công ty thông qua việc thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế phục vụ quản trị nội bộ của Công ty quy định/ *The Board of Directors (BODs) is the highest management body of the Company, elected by the General Meeting of Shareholders(GMS). The BODs consists of one (01) Chairman and four (04) members (including one (01) independent member). The BODs represents the Company in deciding all matters related to the Company's purposes and interests, except for those under the authority of the GMS. The BODs has full authority to exercise the rights and obligations assigned by the GMS and is responsible for supervising the activities of the Company's executives through the implementation of the decisions/resolutions of the*

GMS and the BODs. The rights and responsibilities of the BODs are stipulated by law, the Company's Charter, and internal governance regulations.

3.2.3. Ban Kiểm soát/ Board of Supervision

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát gồm ba (03) thành viên do ĐHĐCĐ bầu/ *Board of Supervision is responsible for monitoring and inspecting the legality and reasonableness of business management and operations, as well as the accuracy of accounting and financial records, to ensure the legitimate interests of shareholders. Board of Supervision consists of three (03) members elected by the GMS.*

3.2.4. Người điều hành Công ty/ Company Executive

Người điều hành Công ty hiện nay bao gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Người điều hành Công ty do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty/ *The Company's executives currently include the General Director, Deputy General Directors, and the Chief Accountant. They are appointed by the BODs and are responsible to the BODs, the GMS, and the law for all business activities of the Company.*

3.2.5. Kiểm toán nội bộ/ Internal Audit

Thực hiện yêu cầu tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ, Công ty đã phân công cán bộ làm nhiệm vụ Phụ trách Kiểm toán nội bộ theo đúng quy định/ *In compliance with Decree No. 05/2019/NĐ-CP dated January 22, 2019, of the Government on Internal Audit, the Company has assigned personnel to be responsible for Internal Audit in accordance with the regulations.*

3.2.6. Khối Phòng/Ban chức năng/ Functional Departments

a. Phòng Tổ chức - Hành chính/Organization - Administration Department

Phòng Tổ chức - Hành chính là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ, đổi mới doanh nghiệp; công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; công tác lương, thưởng, chế độ chính sách; công tác Pháp chế; Công tác Đảng - Đoàn; Công tác hành chính quản trị, công tác hậu cần doanh nghiệp, văn thư văn phòng, lễ tân và lái xe/ *The*

Organization - Administration Department serves as an advisory and supporting unit for the General Director and the BOD in matters related to personnel organization, corporate restructuring, staff management, training, recruitment, inspection, complaint resolution, anti-corruption efforts, emulation and commendation, labor discipline, salaries, bonuses, and policy regimes. It also handles legal affairs, administrative management, corporate logistics, documentation, reception, and transportation services. Additionally, it is responsible for building the Company's corporate image, managing and operating the Company's information technology and telecommunications systems, as well as overseeing Party and Trade Union activities.

b. Phòng Tài chính - Kế toán/ Finance – Accounting Department

Phòng Tài chính - Kế toán là bộ phận tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng Quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty/ *The Finance - Accounting Department acts as an advisory body to the General Director and the BOD regarding financial, accounting, and budgeting matters in the Company's business operations. It ensures compliance with financial obligations to the State, safeguards and develops the Company's capital resources, and manages assets in accordance with legal regulations and the Company's internal policies and regulations.*

c. Phòng Kinh tế - Kế hoạch/ Economics – Planning Department

Phòng Kinh tế - Kế hoạch là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; quản lý thực hiện hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa dài hạn; thống kê, quản lý, kiểm tra các Hợp đồng do các Phòng/đơn vị thực hiện; kiểm soát chi phí; công tác vật tư; công tác Marketing - PR, phát triển thương hiệu; công tác đầu tư, đánh giá hiệu quả đầu tư của các dự án do Công ty làm Chủ đầu tư; Công tác mua sắm: mua sắm thường xuyên CCDC, trang thiết bị vật tư, BHLĐ, tài sản, phương tiện, dịch vụ,... phục vụ hoạt động SXKD theo kế hoạch SXKD và trong các trường hợp khẩn cấp để phục vụ công tác BDSC các NMĐ của Công ty/ *The Economics - Planning Department serves as an advisory and supporting unit for the General Director and the Board of Directors in formulating long-term, medium-term, and short-term business development strategies and plans. It is responsible for investment and development activities, managing, supervising, and evaluating the effectiveness of investment projects. Additionally, it oversees commercial and*

service activities, the management and execution of regular and periodic maintenance contracts at power plants managed by PV Power, and external technical service contracts exploited by the Company. The department also manages and inspects contracts implemented by other departments/units, controls costs, handles the procurement of materials, equipment, machinery, tools, assets, vehicles, and labor protection gear. Furthermore, it is responsible for the import and export of materials and equipment for power plant maintenance and repair, sales, marketing, PR, brand development, and serves as the focal point for corporate risk management.

d. Phòng Kỹ Thuật – An toàn/ Technical – Safety Department

Phòng Kỹ thuật – An toàn là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác quản lý kỹ thuật; xây dựng kế hoạch và phương án triển khai BDSC, theo dõi thực hiện tại các Chi nhánh; xây dựng các tài liệu, mẫu, quy trình, quy định liên quan tới kỹ thuật và hướng dẫn triển khai, đào tạo kỹ thuật cho các chi nhánh; lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ cho các dự án; công tác quản lý kỹ thuật hợp đồng bảo trì dài hạn; công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật; công tác đào tạo chuyên sâu và đào tạo nội bộ; công tác nghiên cứu khoa học; công tác xét duyệt chuyên gia Công ty và công tác ISO của Công ty; Quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, PCCC, PCLB&TKCN và bảo vệ môi trường (xây dựng chính sách, quy trình, quy định, hướng dẫn, giám sát, theo dõi thực hiện và báo cáo); Theo dõi, quản lý công tác nhập, xuất vật tư của Công ty; Công tác IT (quản lý và vận hành hệ thống CNTT và viễn thông của toàn Công ty, bao gồm các hệ thống máy chủ, máy tính, máy in,, đường truyền mạng WAN, mạng LAN, mạng wifi, hệ thống phần mềm văn bản, email nội bộ, website, Fanpage, hệ thống tổng đài điện thoại cố định, di động, hệ thống chấm công bằng vân tay,...)/ *The Technical - Safety Department acts as an advisory and supporting unit for the General Director and the Board of Directors in technical management, long-term maintenance contract management, technical innovation initiatives, specialized and internal training programs, scientific research activities, and the evaluation and development of a highly skilled technical workforce. It is also responsible for managing the Company's ISO system, overseeing occupational safety, labor protection, fire prevention and firefighting (FPF), natural disaster prevention and search and rescue (NDP&SR), and environmental protection.*

Additionally, it monitors the Company's material import and export activities.

e. Phòng Kinh doanh/ Business Department

Phòng Kinh doanh là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác tổ chức thực hiện việc phát triển, mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại cho các khách hàng mới; thiết lập hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối; tìm kiếm, xây dựng thị trường khách hàng ngoài PV Power cho Công ty; bán và quản lý thực hiện hợp đồng phát triển dịch vụ/ *The Business Department serves as an advisory and supporting unit for the General Director and the Board of Directors in commercial activities related to materials and equipment, including purchasing, distribution agency, and investment entrustment for power plants within and outside PV Power. It is responsible for the installation, improvement, and upgrading of equipment provided by professional technical service units or original equipment manufacturers (OEMs). The department also independently explores and executes technical service contracts both within and outside PV Power, expands markets, establishes customer and distributor networks, and seeks to develop external customer markets beyond the Corporation for the Company.*

3.2.7. Khối sản xuất trực tiếp/ Direct Production Division

a. Chi nhánh Nhơn Trạch, Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Hà Tĩnh/ NhơnTrach Branch, CaMau Branch, HaTinh Branch

+ Chức năng/ Functions:

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan/ *Carry out business and production tasks approved by the Company, including maintenance, repair, and development of related services.*

+ Nhiệm vụ/ Responsibilities:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan/ *Ensure strict compliance with the Company's Charter and represent the Company in resolving relevant arising issues;*
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Chi nhánh theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty/ *Organize and manage the Company's activities in the branch area according to assigned plans and under the direction of the General Director;*

- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp/ *Represent the Company in working with entities receiving the Company's services, local authorities, and other relevant units within the authorized scope. Maintain regular contact and establish relationships with other units to promote the Company's service;*
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Chi nhánh và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường/ *Conduct research, surveys, analysis, and market assessments in the branch area and neighboring regions. Participate in developing policies and market expansion plans while proposing timely adjustments suited to specific market conditions;*
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Chi nhánh và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...)/ *Organize and execute the maintenance and repair of power plants, ensuring absolute safety and efficiency in the services provided. Oversee and coordinate the completion of all administrative and procedural requirements related to maintenance and repair services;*
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được Công ty ủy quyền trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả/ *Manage and operate capital, assets, and budgets arising at the branch within the scope authorized by the Company while ensuring compliance with the Company's financial management regulations and Charter. Effectively manage and utilize technical equipment and facilities;*
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao/ *Perform other tasks assigned by the Company;*

b. *Chi nhánh Đà Nẵng/ DaNang Branch*

+ Chức năng/ *Functions*:

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về thí nghiệm điện, thi công lắp đặt các thiết bị điện, sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ kỹ thuật liên quan của các Nhà máy điện, công trình công nghiệp/ *Carry out business and production tasks approved by the Company, including electrical testing, installation of electrical equipment, maintenance, repair, and development of related technical services for power plants and industrial projects;*

+ Nhiệm vụ/ *Responsibilities*:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan/ *Ensure strict compliance with the Company's Charter and represent the Company in resolving relevant arising issues;*
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty/ *Organize and manage the Company's activities in the branch area according to assigned plans and under the direction of the General Director;*
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp/ *Represent the Company in working with entities receiving the Company's services, local authorities, and other relevant units within the authorized scope. Maintain regular contact and establish relationships with other units to promote the Company's services;*
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường/ *Conduct research, surveys, analysis, and market assessments in the branch area and neighboring regions. Participate in developing policies and market expansion plans while proposing timely adjustments suited to specific market conditions;*
- Tổ chức thực hiện công tác thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến

công tác thí nghiệm hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...)/ *Organize and execute the maintenance and repair of power plants, ensuring absolute safety and efficiency in the services provided. Oversee and coordinate the completion of all administrative and procedural requirements related to maintenance and repair services;*

- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả/ *Manage and operate capital, assets, and budgets arising at the branch within the scope authorized by the Company while ensuring compliance with the Company's financial management regulations and Charter. Effectively manage and utilize technical equipment and facilities;*
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao/ *Perform other tasks assigned by the Company;*

4. Định hướng phát triển/ Development Orientation

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / Key Objectives of the Company

Phát triển PV Power Services trở thành một công ty chuyên nghiệp về cung cấp dịch vụ kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện, công trình công nghiệp, với mục tiêu: *PV Power Services is committed to becoming a professional company specializing in providing technical maintenance and repair services for power plants and industrial facilities, with the following objectives:*

- **Cao** về chất lượng sản phẩm dịch vụ/ *High quality of products and services.*
- **Sâu** về chuyên môn nghiệp vụ/ *Deep expertise and technical proficiency.*
- **Rộng** về địa bàn, thị trường hoạt động (truyền thống và mở rộng thị trường)/ *Broad market presence, covering both traditional and expanded markets.*
- **Mạnh** về sức cạnh tranh (năng lực và tài chính)/ *Strong competitiveness in terms of capabilities and financial strength.*
- **Hiệu quả** trong sản xuất/ *Efficient production and operations.*

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ Medium- and Long-Term Development Strategy (2026-2030) and Vision to 2035

- Tiếp tục là Nhà thầu chính cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ cho các nhà máy điện của PVN/PVPower, bao gồm cung cấp vật tư thiết bị và duy trì hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy

thủy điện và các nhà máy điện khác ngoài ngành/ *Continue to serve as the primary contractor for regular and periodic maintenance and repair services for PVN/PV Power's power plants, including the supply of equipment and materials, as well as maintenance contracts for hydropower plants and other non-industry power plants.*

- Phát triển dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa với các đơn vị ngoài PVN/PV Power, như các nhà máy Lọc hóa dầu, luyện kim, khai khoáng, Formosa, các nhà máy nhiệt điện của EVN, TKV.../ *Expand maintenance and repair services to clients outside PVN/PV Power, such as oil refineries, metallurgical plants, mining companies, Formosa, and thermal power plants under EVN and TKV*
...
- Trực tiếp thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn cho các Nhà máy điện của PV Power/PVN; tiến tới xây dựng phương án phát triển dịch vụ kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thuê cho các Nhà máy điện ngoài Tập đoàn; Thực hiện dịch vụ hỗ trợ, đánh giá quá trình chuẩn bị tiếp nhận vận hành (Operation Readiness Review); dịch vụ nghiệm thu chạy thử (commissioning); dịch vụ thí nghiệm hiệu chỉnh, tối ưu tổ máy, lò hơi; dịch vụ theo dõi, tối ưu hiệu năng vận hành các nhà máy/ *Directly undertake major maintenance and repair works for PV Power/PVN power plants and gradually develop technical service solutions for operation, maintenance, and repair outsourcing for external power plants. Provide additional specialized services, including Operation Readiness Review, commissioning acceptance testing, performance optimization for power units and boilers, and real-time monitoring and efficiency optimization of plant operations.*
- Hợp tác với các nhà sản xuất gốc cung cấp trọn gói dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu suất phát điện cho các nhà máy của PV Power/ *Collaborate with Original Equipment Manufacturers (OEMs) to offer comprehensive maintenance and repair solutions aimed at improving power generation efficiency for PV Power's plants.*
- Mở rộng thêm các lĩnh vực cung cấp dịch vụ, phát triển thêm mảng dịch vụ trong ngành dân dụng như bảo dưỡng sửa chữa các hệ thống cơ điện tòa nhà.../ *Diversify service offerings by expanding into maintenance and repair of mechanical and electrical systems for residential and commercial buildings.*
- Nâng cấp, tái điều chỉnh nhân lực kỹ thuật của Công ty, đặc biệt là **nhân lực kỹ thuật cao**. Phát triển nhóm tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng tại Phòng dịch vụ của Công ty/các chi nhánh/ *Upgrade and restructure the*

company's technical workforce, with a focus on highly skilled personnel. Establish a dedicated technical support and consulting team for customers at the company's service centers and branches.

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật chính (vật tư, nhân công, chuyên gia) cho tất cả các Nhà máy điện thuộc Tập đoàn/Tổng công ty/
Build a professional, highly competent workforce to become the leading provider of technical services (including materials, manpower, and expertise) for all power plants under PVN/PV Power.
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện than, điện khí trong nước và khu vực Asean/
Provide comprehensive technical services for the operation and maintenance of coal-fired and gas-fired power plants in Vietnam and across the ASEAN region.
- Đẩy mạnh phát triển hợp tác với nhiều đối tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực sửa chữa theo nguyên tắc **đôi bên cùng có lợi**/
Strengthen partnerships with both domestic and international companies to enhance repair and maintenance capabilities based on a mutually beneficial cooperation principle.
- Chuyển giao công nghệ về cải thiện hiệu suất, nâng công suất và gia tăng độ tin cậy, đánh giá vào kéo dài tuổi thọ của các thiết bị trong nhà máy/
Transfer technologies to improve efficiency, increase capacity, enhance reliability, and extend the lifespan of plant equipment.
- Tập trung đào tạo chuyên gia được các hãng lớn trên thế giới công nhận nhằm phát triển lĩnh vực dịch vụ tư vấn/kỹ thuật cao thay thế chuyên gia cho các kỳ sửa chữa lớn của các nhà máy điện trong và ngoài PVN, cụ thể cho các loại thiết bị chính trong nhà máy như: tuabin khí, tuabin hơi, phát phát điện, lò thu hồi nhiệt, các loại bơm/động cơ công suất lớn, van an toàn.../
Focus on training highly skilled technical personnel, certified by leading global manufacturers, to develop high-end consulting and technical services. This initiative aims to replace foreign experts in major overhauls of power plants within and beyond PVN/PV Power, specifically for key equipment such as: Steam turbines and generators (STG); Steam turbine control valves; Boiler feedwater pumps/cooling water pumps; Heat recovery steam generators (HRSG); Large-capacity pumps/motors; Safety valves, and more.

- Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị/ *Establish a comprehensive technical service chain, covering the entire process from spare parts manufacturing, equipment calibration, and performance measurement.*
- 4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty/ Environmental, Social, and Community Commitments**
- Mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp/ *As a company committed to sustainable development, PV Power Services actively engages in corporate social responsibility (CSR) initiatives to contribute positively to society.*
 - Công ty luôn gắn bó và thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như/ *The company has been consistently involved in social welfare and charitable activities, including:*
 - Hỗ trợ nhà ở cho người lao động theo chương trình Mái ấm Công đoàn Dầu khí/ *Providing housing support for employees through the "PV Union House" program;*
 - Tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo/ *Participating in voluntary blood donation campaigns;*
 - Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn/ *Contributing aid to disaster-affected communities and supporting relief funds for those in difficult circumstances;*
 - Ủng hộ hoạt động “Vì thế hệ trẻ” của Đoàn thanh niên Tập đoàn và “Nghĩa tình đồng đội” của Hội Cựu chiến binh/ *Supporting youth development initiatives through the Youth Union's "For the Next Generation" program and the Veterans Association's "Comradeship and Solidarity" initiative.*

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024/ Operations in 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations:

(Biểu 1/ Table 1)

TT No.	Nội dung/ Indicators	Đơn vị tính /Unit	Kế hoạch năm 2024/Planned for 2024	Thực hiện năm 2024/Performed in 2024	Đạt/Rate (%)
I	Tổng doanh thu /Total Revenue	Tỷ VND/Billion VND	263,40	376,67	143,0%

TT No.	Nội dung/ Indicators	Đơn vị tính /Unit	Kế hoạch năm 2024/Planned for 2024	Thực hiện năm 2024/Performed in 2024	Đạt/Rate (%)
II	Tổng chi phí /Total expenses	Tỷ VND/Billion VND	242,62	352,71	145,4%
III	Lợi nhuận trước thuế/Income before taxes	Tỷ VND/Billion VND	20,78	23,96	115,3%
IV	Lợi nhuận sau thuế /Income after taxes	Tỷ VND/Billion VND	16,62	18,60	111,9%

Theo Biểu số liệu trên cho thấy/ According to the above table shows:

- ❖ **Doanh thu/ Total revenue:** Tổng giá trị thực hiện năm 2024 là 376,67/352,71 tỷ đồng, đạt 143,0% kế hoạch/ *Total implementation value in 2024 is 376.67/352.71 billion VND, reaching 143.0% of the plan.*
- ❖ **Tổng chi phí/ Total expenses:** 352,71/242,62 tỷ đồng, đạt 145,4% kế hoạch/352,71/242,62 billion VND, reaching 145,4% of the plan.
- ❖ **Lợi nhuận trước thuế/ Income before taxes:** 23,96/20,78 tỷ đồng, đạt 115,3% kế hoạch/23,96/20,78 billion VND, reaching 115,3% of the plan.
- ❖ **Nộp ngân sách nhà nước/ Submit state budget:** 21,07/20,39 tỷ đồng, đạt 103,3% kế hoạch/21,07/20,39 billion VND, reaching 103,3% of the plan.

2. **Tổ chức và nhân sự/ Organization and personnel:**

2.1. **Danh sách nhân sự Ban điều hành PV Power Services đến 31/12/2024:**

List of PV Power Services Executive Board as of December 31, 2024

TT No.	Họ và tên/Full name	Chức vụ/Position
1	Ông/Mr. Vũ Anh Tuấn	Giám đốc Công ty/General Director
2	Ông/Mr. Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc Công ty/Deputy General Director
3	Ông/Mr. Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc Công ty/ Deputy General Director
4	Ông/Mr. Lê Văn Tu	Phó Giám đốc Công ty/ Deputy General Director
5	Ông/Mr. Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc Công ty/ Deputy General Director
6	Ông/Mr. Lê Đình Thái	Kế toán trưởng Công ty/Chief Accountant

2.2. **Những thay đổi trong Ban điều hành/Changes in Executive Board:**
Không/NONE.

2.3. **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ Number of Employees, Summary of Policies and Changes in Labor Policies**

- Tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng số cán bộ công nhân viên là 428 người/
As of December 31, 2024, the total number of employees is 428. Trong tổng số 428 CBCNV có/ Among them:
 - + Tiến sỹ/ PhD holders: 0 người /prs
 - + Thạc sỹ/Master's degree holder: 20 người/prs
 - + Đại học/University graduates: 202 người/prs
 - + Cao đẳng/College graduates: 48 người/prs
 - + Trung cấp/Intermediate-level graduates: 78 người/prs
 - + Công nhân kỹ thuật, lái xe/Skilled workers and Drivers: 80 người/prs
 - + Lao động phổ thông/ Unskilled workers: 0 người/prs
 - + Cán bộ nữ/Female employees: 48 người/prs
 - + Tuổi trung bình cán bộ/ Average age of employees: 39.3
- Công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối tiền lương, thu nhập theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao/ *The Company implements a salary and income distribution policy based on productivity, quality, and work efficiency, ensuring full compliance with State regulations. At the same time, this policy encourages employees to be proactive and innovative in fulfilling their assigned duties;*
- Đảm bảo 100% CBCNV được ký Hợp đồng lao động theo quy định/ *Ensure that 100% of employees sign labor contracts in accordance with regulations;*
- Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty đã mua "Bảo hiểm con người với trách nhiệm cao" cho toàn bộ CBCNV, giải quyết tốt chế độ chính sách cho người lao động; chăm lo đời sống cho CBCNV nhân dịp các ngày lễ lớn/ *The Company ensures compliance with State regulations regarding social insurance (SI), health insurance (HI), and unemployment insurance (UI) contributions. Additionally, the Company has purchased a "Comprehensive Personal Insurance Policy" with high liability coverage for all employees, effectively addressing employee benefits and welfare policies while taking care of their well-being on major national holidays;*
- Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty/ *The Company strictly adheres to salary and bonus regulations, ensuring employees' rights and*

benefits while maintaining business efficiency, preserving, and enhancing the Company's capital resources;

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ *Investment activities, project implementation*

3.1. Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Không có/None.

3.2. Các Công ty con, Công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*:

- Tên doanh nghiệp/*Company Name*: Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí/ *Petroleum Information Technology Telecom and Automation Joint Stock Company*.
- Địa chỉ/*Address*: Tầng 17, tòa nhà INCON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội/ *17th Floor, INCON 4 Building, 243A De La Thanh, Dong Da ward, HaNoi City*;
- Giấy đăng ký KD số/ *Enterprise code*: 0103035042;
- Vốn Điều lệ/ *Charter Capital*: 42.352.900.000 đồng;
- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ cổ phần tại PV Tech (PAIC)/ *Percentage of shares held by PV Power Services at PV Tech (PAIC)*: 11,9% Vốn Điều lệ/ *11,9% Charter Capital*;
- Tình hình tài chính/*Financial situations*:

Unit: VND

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm 2023	Năm 2024	% so với năm trước/ <i>% change</i>
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total Assets</i>	73.375.811.666	72.767.978.720	99,17%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenues</i>	118.453.665.098	102.203.576.086	86,28%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i>	6.103.705.236	5.188.795.587	85,01%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	6.099.131.295	5.188.217.982	85,06%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profits after tax</i>	4.823.060.206	4.104.535.785	85,10%

(Nguồn dữ liệu/ Data base: Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2024 của PAIC/ 4th quarter Finance Statement of PAIC)

4. Tình hình tài chính/ *Financial Situations of PV Power Services*

a. Kết quả Sản xuất kinh doanh/ *Business results*

(Biểu 2- Đơn vị tính: đồng/Table 2, Unit: VND)

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2023	Năm 2024	% so với năm trước/ % change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total Assets</i>	265.932.504.253	292.024.718.188	109,81%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenues</i>	303.639.860.524	372.622.978.479	122,72%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i>	25.990.017.659	24.520.062.088	94,34%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	23.890.775.977	23.957.190.925	100,27%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profits after tax</i>	17.690.519.694	18.601.248.084	105,14%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout Ratio</i>	9,4%	9,8%	

Ghi chú/Note: Tỷ lệ trả cổ tức 2024 chỉ mang tính chất dự báo, tỷ lệ chi trả chính thức được Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên 2025/
Dividend rate of year 2024 is only forecast, the official rate will be approved by GMS at 2025 Annual Meeting.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Key financial indicators

(Biểu 3/Table 3)

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2023 Year 2023	Năm 2024 Year 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/Payment Abilities		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>Curent Ratio</i>)	2,90	2,41
+ Hệ số thanh toán nhanh (<i>Quich Rato</i>)	2,59	2,23
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/Capital stucture		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total Assets</i>)	0,29	0,35
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner Equity</i>)	0,41	0,54
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/Operating Capcity		
+ Vòng quay hàng tồn kho (<i>Inventory turnover</i>)	10,06	14,76
+ Vòng quay tổng tài Sản (<i>Total assets turnover</i>):	1,14	1,34
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/Profitability		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>Profit after corporate incmome tax/Net revenues</i>)	5,83	4,99

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm 2023 Year 2023	Năm 2024 Year 2024
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>Profit after corporate incmome tax/owner equity</i>)	9,39	9,82
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>Profit after corporate incmome tax/Total Assets</i>)	6,65	6,37
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Net profit from operating activities/Net revenues</i>)	8,56	6,58

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholder structure, changes in owner's capital*

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số C378/2024-PPS/VSD-ĐK chốt ngày 24/9/2024 do Trung tâm lưu ký chứng khoán ban hành ngày 26/9/2024/ *According to the list of securities owners No. C378/2023-PPS/VSD-DK closed on September 24th, 2024 issued by the Securities Depository Center on September 26th, 2024*

a. Cổ phần/Shares

- Tổng số cổ phần đang lưu hành/*Number of shares outstanding* : 15.000.000 Cổ phần/shares;
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng/*Number of shares restricted from transfer*: 2.700.000 Cổ phần//shares;
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do/*Number of freely transferable shares*: 12.300.000 Cổ phần/shares.

b. Cơ cấu cổ đông/Share holder structure

Cổ đông lớn/*Major shareholder*: 2 cổ đông, nắm giữ 10.350.000 cổ phần tương đương 69% tổng số cổ phần/2 *shareholders, holding 10,350,000 shares equivalent to 69% of total shares outstanding*:

- Cổ đông là tổ chức trong nước/ *Domestic enterprises*: 1 cổ đông, nắm giữ 7.650.000 cổ phần, tương đương 51% tổng số cổ phần/ 1

shareholder, holding 7.650.000 shares equivalent to 51% of total shares outstanding;

- Cổ đông là tổ chức nước ngoài/ Foreign enterprises: 1 cổ đông, nắm giữ 2.700.000 cổ phần, tương đương 18% tổng số cổ phần/ shareholder, holding 2.700.000 shares equivalent to 18% of total shares outstanding;.

Các cổ đông khác nắm giữ/Other shareholders : 4.650.000 cổ phần/shares equivalent to 31% of total shares outstanding;.

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Changes in owner's capital:** không có/None.

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Treasury stock transactions:** Không có/None.

e. **Các chứng khoán khác/Other Stock:** Không có/None.

6 **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company**

6.1. **Tác động lên môi trường/ Impact to Environment**

- Tổng phát thải khí thải nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/ Total direct and indirect GHG emission: Không có/None

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ Measures and initiatives to reduce GHG emission: Không có/None

6.2. **Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ Management of raw materials**

a. Tổng nguyên liệu được sản xuất và đóng gói/ The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year: Không có/None.

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization: Không có/None

6.3. **Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption**

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ Energy consumption - directly and indirectly: 504.000 kwh.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ Energy savings through initiatives of efficiently using energy: 00 kwh.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sáng kiến và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ The report on energy saving initiatives (providing

products and services to save energy or use renewable energy); report on results of these initiatives: không có/None.

6.4. Tiêu thụ nước:(mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/Water consumption (water consumption of business activities in the year)

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/Water supply and amount of water used: 20.544 m³.
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/Percentage and total volume of water recycled and reused: 00 m³

6.5. Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: Không/None.
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Không/None.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

- a. **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**
 - Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, tổng số lao động trong toàn Công ty là 428 người/ As of December 31, 2024, the total number of employees is 428.
 - Tiền lương bình quân năm 2024 là 21.6 triệu đồng/người/tháng. /Average salary in 2024 is 21.6 million VND/person/month
- b. **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ Labor Policies to Ensure Employee Health, Safety, and Welfare**
 - Thực hiện chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho NLD/ Implementation of labor policies to ensure employee health and safety:
 - + Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thực hiện các chế độ phụ cấp độc hại, bồi dưỡng bằng hiện vật; phụ cấp ăn ca; theo quy định của Nhà nước/ Providing full personal protective equipment (PPE) and implementing hazardous duty allowances, in-kind compensation, and meal allowances in accordance with State regulations.
 - + Tổ chức các khóa huấn luyện ATVSLĐ cho CBCNV theo nghị định 44/2016/NĐ-CP; Tổ chức huấn luyện, kiểm tra sát hạch an toàn điện định kỳ hàng năm cho CBCNV Phòng Kỹ thuật An toàn và các Chi nhánh trực thuộc

Công ty/*The organization of Occupational Safety and Health (OSH) training courses for employees complies with Decree 44/2016/ND-CP. Additionally, regular annual training and assessments on electrical safety are conducted for employees in the Safety Engineering Department and branches under the company.*

- + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV/ *Conducting periodic health check-ups for all employees.*
- + Tổ chức thực hiện khám phát hiện bệnh nghề nghiệp theo kế hoạch/ *Implementing occupational disease screening as per the planned schedule.*
- + Tổ chức thăm quan, nghỉ mát cho CBCNV nhằm tái tạo sức lao động và sự đoàn kết trong tập thể người lao động/ *Organizing company trips and vacations for employees to rejuvenate their energy and strengthen team cohesion.*
- Chế độ phúc lợi, chăm lo đời sống CBCNV và các phong trào đoàn thể/ *Employee Welfare, Care for Employee Livelihood, and Mass Movements:*
- + Công ty luôn quan tâm và phối hợp với Công đoàn thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, thực hiện đảm bảo chế độ chính sách, khen thưởng, phúc lợi cho toàn thể CBCNV Công ty/*The company consistently partners with the Trade Union to provide comprehensive care for the material and spiritual well-being of employees, ensuring the full implementation of policies, rewards, and benefits across the entire workforce.*
- + Chi quỹ phúc lợi cho CBCNV vào các dịp lễ Tết trong năm 2023; Hỗ trợ kinh phí cho các Công đoàn Bộ phận trực thuộc tổ chức chương trình Tết sum vầy nhân dịp Tết Nguyên Đán Quý Mão năm 2023/ *Allocating the Welfare Fund for Employees during Festivals and Tet in 2024; Supporting Financial Expenses for Union Branches to Organize the Tet Program on the Occasion of Tet 2024.*
- + Đảm bảo các chế độ ưu tiên khác cho lao động nữ như: trợ cấp các chế độ liên quan đến thai sản và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi theo quy định của Nhà nước; chi tiền hỗ trợ chăm sóc sắc đẹp hàng tháng cho nữ CBCNV; Tổ chức chương trình và tặng quà cho nữ CBCNV Công ty vào các dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10)/ *Ensuring other priority regimes for female employees, such as: providing allowances for maternity-related benefits and caring for children under 12 months old as per state regulations; allocating monthly beauty care support funds for female employees; Organizing programs and presenting gifts to female company*

employees on the occasion of International Women's Day on March 8th and Vietnamese Women's Day on October 20th.

- + Tặng quà cho thiếu nhi là con CBCNV Công ty nhân dịp Tết thiếu nhi 01/6. Tặng quà cho 648 cháu thiếu nhi là con CBCNV Công ty nhân dịp Tết trung thu, kết hợp phát tặng quà khen thưởng cho 301 cháu có thành tích cao trong học tập/*Presenting gifts to children of company employees on the occasion of Children's Day on June 1st. Presenting gifts to 630 children of company employees on the occasion of Mid-Autumn Festival, combined with awarding gifts to 315 children who achieved high academic performance.*
- + Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho người thân 102 CBCNV đã có công với cách mạng nhân kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ (27/7)/ *Organizing visits and presenting gifts to the families of 91 employees who have made contributions to the revolution on the occasion of the War Invalids and Martyrs' Day on July 27th.*
- + Đoàn thanh niên Công ty đã trao tặng cho các em học sinh giỏi trên địa bàn các tỉnh Cà Mau, Nhơn Trạch, Hà Tĩnh có hoàn cảnh khó khăn với số tiền ủng hộ là 30 triệu đồng/ *The Youth Union of the Company presented gifts to outstanding students in difficult circumstances in the provinces of Cà Mau, Nhơn Trạch, and Hà Tĩnh, with a total donation of 15 million VND.*
- + Công ty đã tiến hành công nhận 41 sáng kiến cải tiến kỹ thuật lại nhiều lợi ích cho sản xuất kinh doanh/ *The company recognized 41 technical innovation initiatives, which brought numerous benefits to production and business operations.*
- + Công nhận 33 chuyên gia kỹ thuật của PV Power Services trong nhiều lĩnh vực như Cơ Nhiệt, Điện - Tự động/ *Recognizing 33 technical experts of PV Power Services in various fields such as Mechanical Engineering, Electrical Engineering, and Automation.*

c. *Hoạt động đào tạo người lao động/ Employee Training Activities*

Với mục đích xây dựng đội ngũ CBCNV Công ty thành thạo về nghiệp vụ, bắt kịp được sự phát triển về khoa học kỹ thuật của khu vực, góp phần thực hiện tốt chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2024, Công ty đào tạo cho 206 lượt người/226 lượt người (đạt 91,1% Kế hoạch)/ *Aiming to develop a team of company employees skilled in their roles and aligned with regional advancements in science and technology, thereby*

supporting the successful execution of the company's production and business strategy. In 2024, the company provided training to 206 individuals out of a planned 226 (reaching 91.1% of the target).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC/ Reports and assessments of the Board of Management

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

(Biểu 4/Table 4)

TT No.	Nội dung/ Indicators	Đơn vị tính /Unit	Kế hoạch năm 2024/Planned for 2024	Thực hiện năm 2024/Performed in 2024	Đạt/Rate (%)
I	Tổng doanh thu /Total Revenue	Tỷ VND/Billion VND	263,40	376,67	143,0%
II	Tổng chi phí /Total expenses	Tỷ VND/Billion VND	242,62	352,71	145,4%
III	Lợi nhuận trước thuế/Income before taxes	Tỷ VND/Billion VND	20,78	23,96	115,3%
IV	Lợi nhuận sau thuế /Income after taxes	Tỷ VND/Billion VND	16,62	18,60	111,9%

Đánh giá chung/ General Evaluation:

- Hoàn thành các công tác BDSC thường xuyên, đột xuất và xử lý các sự cố, tồn tại, bất thường thiết bị/hệ thống các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Vũng Áng 1 và Formosa Hà Tĩnh/Completion of regular and unexpected maintenance tasks, as well as handling equipment/system issues, malfunctions, and abnormalities at Ca Mau 1 & 2, Nhon Trach 1, Nhon Trach 2, Vung Ang 1, and Formosa Ha Tinh power plants.
- Thực hiện công tác bảo dưỡng SCDK đạt/vượt tiến độ thống nhất với CĐT/ Execution of scheduled maintenance work achieved or exceeded the progress agreed upon with the investor.
- Trong năm 2024, PV Power Services đã nỗ lực và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, lợi nhuận trước thuế thực hiện vượt kế hoạch được giao, đạt trên 115% kế hoạch/ In 2024, PV Power Services made efforts and successfully completed the set targets, with pre-tax profit exceeding the assigned plan, reaching over 115% of the target.

- Công tác phát triển dịch vụ ngoài tiếp tục được đẩy mạnh, tích cực tìm kiếm mở rộng hợp đồng dịch vụ nhằm nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty/ The development of external services continued to be promoted, with active efforts to expand service contracts in order to increase revenue and profit for the company.
- 2. **Kế hoạch năm 2025/ Plan for 2025**
 - **Một số nhiệm vụ chính/Key Task:**
 - Thực hiện bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, đột xuất/khắc phục bất thường/sự cố của các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, NMD Vũng Áng 1 và NMD Formosa Hà Tĩnh theo Hợp đồng đã ký đảm bảo an toàn, tiến độ, chất lượng và hiệu quả/*Perform regular and emergency maintenance, troubleshooting and resolving abnormalities/incidents at the Ca Mau 1 & 2, Nhon Trach 1, Nhon Trach 2, Vung Ang 1, and Formosa Ha Tinh power plants according to signed contracts, ensuring safety, schedule, quality, and effectiveness.*
 - Thực hiện công tác sửa chữa định kỳ các nhà máy điện trong Tổng công ty đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn/ *Carry out periodic maintenance of power plants within the Group to ensure quality, schedule, and safety.*
 - Tăng cường công tác xúc tiến, tiếp cận, tham gia đấu thầu, ký kết và thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các khách hàng/Chủ đầu tư mới ngoài các Hợp đồng đã ký phù hợp với năng lực/kinh nghiệm của Công ty nhằm tối ưu hóa sử dụng nguồn nhân lực, tài sản, công cụ dụng cụ để gia tăng doanh thu, lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như cải thiện đời sống CBCNV của Công ty/*Strengthen efforts in promoting, approaching, participating in tenders, signing and executing technical service contracts for new clients/investors, beyond the existing signed contracts, in line with the company's capabilities/experience. This aims to optimize the use of human resources, assets, tools, and equipment to increase revenue, profits, improve business performance, and enhance employees' welfare.*
 - Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giai đoạn năm 2026-2030, định hướng đến năm 2035 phù hợp với các mục tiêu kế hoạch của giai đoạn; Xây dựng kế hoạch phù hợp theo định hướng của Tổng công ty làm cơ sở quản lý và triển khai thực hiện/*Review, adjust, and supplement the 2026-2030 phase plan, with a vision towards 2035, to align with the goals of that phase; Build a plan according to the Group's direction to serve as a basis for management and implementation.*

- Chủ động rà soát, đánh giá công tác chuyển đổi số của đơn vị phối hợp cùng Tổng công ty; đề xuất giải pháp về lĩnh vực chuyển đổi số, quản lý dữ liệu thông tin để triển khai thực hiện, đảm bảo thống nhất toàn bộ hệ thống Tổng công ty và đơn vị/*Proactively review and evaluate the unit's digital transformation efforts in coordination with the Group; propose solutions regarding digital transformation, information data management for implementation, ensuring alignment across the Group's entire system and units.*
- Phối hợp với Tổng công ty tham mưu các cấp thẩm quyền thành lập bộ phận Quản trị rủi ro tại đơn vị; kịp thời nghiên cứu, nắm bắt các nhiệm vụ để chủ động triển khai khi có chủ trương, quyết định của cấp thẩm quyền/*Coordinate with the Group to advise relevant authorities on establishing a Risk Management department at the unit; promptly research and understand tasks to proactively implement when there are directions or decisions from authorities.*
- Tập trung nâng cao công tác quản lý, quản trị điều hành hoạt động của Công ty. Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí (đặc biệt chi phí quản lý, chi phí mua ngoài); Quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả; Thực hiện công tác đầu tư/mua sắm tài sản/trang thiết bị, CCDC đáp ứng kịp thời phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện, đảm bảo tính pháp lý, theo quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước/*Focus on improving the management and operation control of the Company. Effectively control and minimize costs (especially management costs, external procurement costs); Manage and use capital and assets safely and for their intended purpose to ensure efficient business operations; Carry out investment/purchase of assets/equipment and supplies to meet the timely needs for power plant maintenance, ensuring legal compliance with the company's and state regulations.*
- Nâng cao công tác quản lý, thực hiện tốt các hợp đồng, dịch vụ ngoài các đơn vị Tổng công ty; lập phương án kinh doanh và quản lý thực hiện đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ từ 6-10%, từ hoạt động cung cấp vật tư từ 3-6%/ *Improve management of contracts, and services outside of the Group's units; develop business plans and manage service provision ensuring profits from services at 6-10% and from material supply activities at 3-6%.*
- Thực hiện các biện pháp về lao động – tiền lương và đổi mới doanh nghiệp, đảm bảo quỹ lương hàng năm, nâng cao thu nhập cho CBCNV, người lao

động. Chú trọng công tác đào tạo để rút ngắn cách biệt về tay nghề trong đội ngũ người lao động, đặc biệt trong công tác vận hành kỹ thuật, quản lý và BDSC thiết bị, nhà máy điện/*Implement labor, wage, and corporate innovation measures to ensure the annual salary fund, increase employee income, and improve worker welfare. Emphasize training to shorten skill gaps among workers, especially in technical operations, equipment management, and power plant maintenance.*

- Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường hoạt động các phong trào đoàn thể trong toàn Công ty; khen thưởng, phúc lợi, ăn ca, chế độ BHXH đảm bảo đầy đủ theo quy định/ *Ensure proper care for workers' welfare, enhance union activities across the company; reward, social welfare, meals, and social insurance benefits in full accordance with regulations.*
- Chuẩn bị cho công tác sửa chữa định kỳ năm 2026 theo kế hoạch/ *Prepare for the scheduled maintenance work in 2026 according to the plan..*
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao/ *Complete other tasks assigned by the General Meeting of Shareholders.*
- Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2025/ **Some Key Targets for 2025:**
 - Tổng doanh thu/*Total revenues:* 297,04 tỷ đồng.
 - Tổng chi phí/*Total expenses:* 278,99 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế/*profit before taxes:* 18,06 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế/ *profit after taxes:* 14,45 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in Organizational Structure, Policies, and Management*

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện kiện toàn phương án sản xuất kinh doanh của Phòng Kinh doanh theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty tại Văn bản số 115/NQ/DVKT-HĐQT ngày 12/7/2024/ *In 2024, the Company refined the business operations plan for the Business Department in accordance with the Resolution of the Company's Board of Directors, as stated in Document No. 115/NQ/DVKT-HĐQT dated July 12, 2024.*

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BOARD OF DIRECTORS' ASSESSMENT

1. Đánh giá chung/ *General Assessment*

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua/

Successfully exceeded the key business targets set for 2024, as approved in the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders;

- Các tiêu chí bảo toàn vốn, hiệu suất sử dụng vốn đều phản ánh sự ổn định, an toàn trong việc sử dụng vốn/ *Capital preservation and capital efficiency indicators reflect stability and safety in capital utilization.*

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty/ *The Board of Directors' Assessment of the Executive Board's Performance*

2.1. Về thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh/ Implementation of Business and Production Tasks

- Hoàn thành vượt mức nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024, cụ thể/ *Successfully surpassed the 2024 business and production targets, specifically:*
 - + Doanh thu đạt: 143 % kế hoạch/ *Revenue achieved: 143 % of the plan.*
 - + Lợi nhuận sau thuế đạt: 112 % kế hoạch/ *Profit after tax achieved: 112% of the plan.*
- Báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao/ *Fully reported on the implementation of tasks assigned by the Board of Directors.*

2.2. Về công tác quản lý điều hành/ Corporate Management and Administration

- Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp lý trong công tác quản lý để hiệu chỉnh, cập nhật thông tin quản lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty qua từng thời kỳ/ *Continuously reviewed the legal document system in management activities to adjust and update information in alignment with the company's operational realities over time;*
- Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, sắp xếp nhân lực theo đúng chức danh, công việc, đánh giá hiệu quả công việc để áp dụng mức lương tương ứng. Phân công, phân cấp quản lý trong ban lãnh đạo theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty/ *Standardized personnel, arranged human resources according to job titles and responsibilities, and evaluated work performance to apply corresponding salary levels. Management responsibilities were assigned and delegated within the leadership team according to the company's business and production activities;*
- Thực hiện sửa đổi các Quy chế, Quy định của Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với tình hình SXKD của Công ty/ *Amended corporate regulations and policies to ensure compliance with legal requirements and alignment with the company's business and production conditions;*

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi tiêu, quản lý sản xuất tại các Chi nhánh. Tuân thủ Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật/
Conducted strict inspection and control of spending activities and production management at subsidiaries, ensuring compliance with the company's charter and current legal regulations.
- 3. **Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị/ Plans and Directions of the Board of Directors**
 - Chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban Giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất/*Regularly supervised and directed the implementation of the 2024 business and production plan, while supporting and coordinating with the Executive Board to resolve difficulties and make timely decisions to maximize operational efficiency;*
 - Hội đồng Quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tái cơ cấu tổ chức công ty phù hợp với tình hình thực tế và với chủ trương của Nhà nước và Tập đoàn Dầu khí/*Continued to direct the implementation of corporate restructuring in accordance with actual conditions and the policies of the government and the parent company, PetroVietnam;*
 - Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của Hội đồng Quản trị theo đúng quyền hạn và trách nhiệm, kịp thời khắc phục khó khăn để cùng với Ban Giám đốc phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của cổ đông/*Maintained and further strengthened all operational aspects of the Board of Directors in line with its rights and responsibilities, promptly overcoming challenges to drive the company's growth in line with shareholders' expectations;*
 - Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động/*Maximized shareholder benefits while ensuring fair compensation and welfare for employees;*
 - Tìm kiếm thị trường mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng./ *Sought new market opportunities while enhancing service quality to meet the increasingly high demands of customers.*

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY / CORPORATE GOVERNANCE

1. Hội đồng Quản trị/ The Board of Directors

a. *Thành viên, cơ cấu Hội đồng Quản trị/ Members and Structure of the Board of Directors*

STT/No	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors</i>	Chức vụ trong HĐQT/ <i>Positions</i>	Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết/ <i>Voting rights holding ratio</i>	Chức danh tại Công ty khác/ <i>Position at other companies</i>
1	Ông/Mr. Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman</i>	15%	Không/None
2	Ông/Mr. Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT/ <i>Member of BODs/ Director</i>	12%	Không/None
3	Ông/Mr. Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên HĐQT chuyên trách/ <i>Member of BODs/ Director</i>	12%	Không/None
4	Bà/Mrs. Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm/ <i>Member of BODs/ Director</i>	12%	Phó Trưởng Ban Thương mại Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam/ <i>Deputy Head of Commercial Department – PV Power</i>
5	Ông/Mr. Vũ Huy An	Thành viên độc lập HĐQT/ <i>Independent Member of BODs/ Director</i>	0%	Không/None

b. *Các tiểu ban Hội đồng Quản trị/ Board Committees:* Không có/None

c. *Hoạt động của Hội đồng Quản trị/BODs Activities*

- HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT/*The Board of Directors has strengthened oversight of the General Director and other management units to ensure corporate operations comply*

with legal regulations and align with the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

- Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị đã tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, Trưởng các phòng chức năng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ triển khai các dự án, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp/*The Chairman and members of the Board of Directors participated in regular monthly meetings with the Executive Board and heads of functional departments to review business operations, monitor project progress, and provide direct guidance as necessary.*
- Trong những trường hợp phát sinh các vấn đề trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị, trên cơ sở các tờ trình của Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ đạo lấy ý kiến các thành viên để ban hành các Nghị quyết Hội đồng Quản trị kịp thời/*In cases where business-related issues requiring Board-level decisions arose, the Chairman sought opinions from Board members based on proposals from the General Director, ensuring that Board resolutions were issued in a timely manner.*
- Trong năm 2024 Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc giám sát các hoạt động/*In 2024, the Board of Directors supervised the following key activities:*
 - + Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và xác định mục tiêu cụ thể cho từng tháng/Quý cho năm 2024/*Evaluated the implementation of the 2024 business and production plan and set specific monthly and quarterly targets.*
 - + Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày 10/4/2024/*Successfully organized the 2024 Annual General Meeting of Shareholders on April 10, 2024.*
 - + Xem xét phương hướng triển khai sản xuất kinh doanh của Công ty từng Quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2024/*Reviewed the company's quarterly business operations, assessed the progress toward achieving planned goals, and developed solutions to ensure the successful execution of the 2024 business plan.*
 - + Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện kết hợp với Quản lý các chi phí, Quản lý vật tư, nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh/*Directed the Executive Board and*

relevant departments to implement comprehensive solutions, such as technical initiatives for maintaining stable power plant operations, cost management, material management, human resource optimization, and innovation-driven efficiency improvements.

- + Giao Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp tốt với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ/*Directed the Executive Board and relevant departments to implement comprehensive solutions, such as technical initiatives for maintaining stable power plant operations, cost management, material management, human resource optimization, and innovation-driven efficiency improvements.*
- + Hội đồng Quản trị đã đưa ra định hướng, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra, kiểm soát/*Assigned the General Director to organize and collaborate with labor unions and youth organizations to foster solidarity, responsibility, and a shared commitment to achieving business goals.*
- Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp định kỳ theo Quý, cụ thể như sau/*In 2024, the Board of Directors held regular quarterly meetings as follows:*
 - + Hợp HĐQT quý I/2024 ngày 24/4/2024: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 77/NQ/DVKT-HĐQT ngày 26/4/2024/*1st Quarter 2024 Board Meeting on 24/4/2024: The meeting details were published in Resolution No. 77/NQ/DVKT-HĐQT dated 26/4/2024.*
 - + Hợp HĐQT Quý II/2024 ngày 23/7/2024: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 117/NQ/DVKT-HĐQT ngày 23/7/2024/*2nd Quarter 2024 Board Meeting on 23/7/2024: The meeting details were published in Resolution No. 117/NQ/DVKT-HĐQT dated 23/7/2024.*
 - + Hợp HĐQT Quý III/2024 ngày 14/10/2024: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 150/NQ/DVKT-HĐQT ngày 17/10/2024/*3rd Quarter 2024 Board Meeting on 14/10/2024: The meeting details were published in Resolution No. 150/NQ/DVKT-HĐQT dated 17/10/2024.*

- + Hợp HĐQT Quý IV/2024 ngày 15/01/2025: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 08/NQ/DVKT-HĐQT ngày 21/01/2025/*4th Quarter 2024 Board Meeting on 15/01/2025: The meeting details were published in Resolution No. 08/NQ/DVKT-HĐQT dated 21/01/2025.*

d. Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/ Activities of Independent Board Members

- Trong năm Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy vai trò Thành viên độc lập HĐQT trong việc đảm bảo quyền lợi cho cổ đông của Công ty/*Throughout the year, independent Board members fulfilled their responsibilities with high commitment, actively upholding their roles in protecting shareholders' rights and interests.*

e. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty/ List of Board Members Holding Corporate Governance Certification: Không/None.

2. Ban Kiểm soát/ Supervisory Board

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Members and Structure of the Supervisory Board

STT/No	Họ và tên/Full name	Chức danh trong BKS/Positions	Tỷ lệ nắm giữ Cổ phần/ Voting rights holding ratio	Ghi chú
1	Ông/Mr. Nguyễn Quang Đông	Trưởng Ban Kiểm soát/Head of Supervisory Board	0%	
2	Bà/Mrs. Nghiêm Thị Phụng	Kiểm soát viên/Member of Supervisory Board	0%	
3	Bà/Mrs. Nguyễn Thị Mai Hoa	Kiểm soát viên/Member of Supervisory Board	0%	

2.2. *Hoạt động của Ban Kiểm soát/ Activities of the Supervisory Board*

a. *Công tác kiểm tra, giám sát định kỳ/ Regular Inspection and Supervision Activities*

Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hàng quý theo kế hoạch kiểm soát năm 2024 được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua/ *The Supervisory Board conducts regular quarterly inspections and supervision activities in accordance with the 2024 supervisory plan approved by the 2024 General Meeting of Shareholders (GMS).*

b. *Nội dung kiểm tra, giám sát/ Scope of Inspection and Supervision*

Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và kế hoạch hoạt động kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2024 thông qua/ *The Supervisory Board performs its functions and duties in compliance with the Company's Charter, the Supervisory Board's Operating Regulations, and the annual supervisory plan approved by the General Meeting of Shareholders.*

Ban Kiểm soát hoạt động trên nguyên tắc độc lập; tuân thủ Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Việc kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát không làm gián đoạn hoạt động bình thường của Công ty; không cản trở công tác quản trị, điều hành Công ty của HĐQT và Ban Giám đốc/ *The Supervisory Board operates independently, adhering to state laws, the Company's Charter, and internal regulations. It exercises its rights and responsibilities with honesty and prudence to maximize the legitimate interests of the Company and its shareholders. The Supervisory Board's activities do not interfere with the Company's normal operations or hinder the governance and executive functions of the Board of Directors (BOD) and the Executive Board.*

Ban Kiểm soát căn cứ vào quy định của Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực; Điều lệ Công ty và hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty; các tài liệu được Công ty công bố công khai (và, hoặc) cung cấp cho Ban Kiểm soát để áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết nhằm đưa ra ý kiến đánh giá về kết quả thực hiện các nhiệm vụ SXKD của Công ty, (và, hoặc) đề xuất các kiến nghị hoàn thiện về công tác quản trị điều hành của Công ty/ *The Supervisory Board bases its assessments on state laws, the Company's Charter, internal management regulations, and publicly*

disclosed (or provided) documents to apply appropriate inspection techniques. These evaluations aim to assess the Company's business performance and provide recommendations for improving corporate governance.

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện những công tác sau/ In 2024, the Supervisory Board has carried out the following activities:

- *Giám sát việc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024/ Monitored the implementation of the resolutions passed by the 2024 GMS;*
- *Giám sát việc Công ty tuân thủ Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty; việc chấp hành các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng công ty/ Supervised the Company's compliance with state laws, the Company's Charter, and internal regulations, as well as adherence to directives from the parent corporation;*
- *Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc. Monitored the activities of the BOD and the Executive Board, evaluating the legality, legitimacy, transparency, and prudence in corporate governance, business operations, financial management, accounting, and financial reporting*
- *Thẩm định BCTC quý và cả năm của Công ty/ Reviewed and assessed the Company's quarterly and annual financial statements;*
- *Tham dự các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp của Công ty/ Attended meetings of the BOD and other Company meetings;*
- *Tổ chức bốn (04) cuộc kiểm tra, kiểm soát: tại Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Nhơn Trạch vào quý II/2024; tại Chi nhánh Hà Tĩnh vào quý III/2024; tại Văn phòng Công ty vào quý IV/2024. Các cuộc kiểm tra, kiểm soát tại các Chi nhánh Công ty được Ban Kiểm soát phối hợp thực hiện cùng với đoàn kiểm tra của Công ty để đảm bảo công tác tổ chức được gọn nhẹ, hiệu quả và tiết kiệm thời gian/Conducted four (04) inspection and supervision missions: at the Ca Mau Branch and Nhon Trach Branch in Q2/2024, at the Ha Tinh Branch in Q3/2024, and at the Company's Headquarters in Q4/2024. The inspections were conducted in coordination with the Company's internal audit team to enhance efficiency and minimize operational disruption;*
- *Đưa ra các ý kiến, lưu ý và kiến nghị đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các Phòng, Ban, Chi nhánh Công ty về các vấn đề trong hoạt động quản trị, quản lý và điều hành SXKD; tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC của Công ty/ Provided observations, remarks, and recommendations to the*

BOD, the Executive Board, and relevant departments and branches regarding governance, management, and business operations.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của BKS/ *Monitored the implementation of the Supervisory Board's recommendations;*
 - Thực hiện các hoạt động thường quy theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát/ *Carried out routine activities as per the Company's Charter and the Supervisory Board's Operating Regulations.*
- Trong năm 2024, kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát và các ý kiến, lưu ý, kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các Phòng, Ban, Chi nhánh Công ty ghi nhận và lưu tâm thực hiện. Ban Kiểm soát cho rằng công tác kiểm tra, kiểm soát và đưa ra ý kiến nhận xét, đánh giá, kiến nghị trong năm 2024 là đúng với chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát; đóng góp vào việc hoàn thiện công tác quản trị và điều hành các mặt hoạt động SXKD của Công ty/*Throughout 2024, the findings and recommendations of the Supervisory Board have been acknowledged and acted upon by the BOD, the Executive Board, and relevant departments. The Supervisory Board affirms that its inspection and supervision activities have been conducted in full compliance with its functions and duties under the Company's Charter and the Supervisory Board's Operating Regulations, contributing to improving corporate governance and operational efficiency.*

Ban Kiểm soát đánh giá HĐQT và Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện đầy đủ cho Ban Kiểm soát thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm và nội dung công việc của Ban Kiểm soát theo quy định. Các lưu ý, kiến nghị của Ban Kiểm soát được lắng nghe, tiếp thu (và, hoặc) đưa vào Nghị quyết, Thông báo kết luận và được HĐQT và Ban Giám đốc lưu tâm chỉ đạo thực hiện/*The Supervisory Board recognizes the close cooperation of the BOD and the Executive Board in facilitating its work. Its recommendations have been considered and incorporated into resolutions, official notifications, and executive directives.*

Ban Kiểm soát đánh giá việc Công ty thực hiện các nhiệm vụ SXKD năm 2024 đã đạt được các kết quả tốt và đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 và kế hoạch nhiệm vụ SXKD năm 2024 của HĐQT. Ban Kiểm soát đánh giá công tác quản trị và điều hành các mặt hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc đã trung thực, cẩn trọng và phát huy hiệu quả; đã lãnh đạo định hướng Công ty bám sát chiến lược phát triển, vượt qua các khó khăn để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ năm

2024 và Tổng công ty giao kế hoạch. HĐQT và Ban Giám đốc đang tiếp tục đẩy mạnh đổi mới tư duy kinh doanh, tái cấu trúc hoạt động SXKD, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tận dụng tối đa các thế mạnh nội tại của Công ty, khai thác triệt để tiềm năng sức mạnh của lực lượng lao động, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ... để ngày càng nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng, tiến độ và giá thành cung cấp dịch vụ kỹ thuật của Công ty/*The Supervisory Board evaluates that the Company has successfully executed its 2024 business plans in alignment with the resolutions of the 2024 GMS and the business objectives set by the BOD. Corporate governance and executive management have been conducted with integrity, prudence, and efficiency, steering the Company towards strategic goals while overcoming challenges to fulfill assigned business targets. The BOD and the Executive Board continue to drive innovation in business thinking, restructure operations, optimize organizational efficiency, leverage internal strengths, harness workforce potential, and refine internal regulations to enhance the Company's competitive edge in service quality, timeliness, and cost management.*

c. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát/ Meetings of the Supervisory Board

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức bốn (04) cuộc họp định kỳ hàng quý/ *In 2024, the Supervisory Board held four (04) regular quarterly meetings:*

+ Hình thức họp/ *Format:* Họp trực tiếp tại trụ sở Công ty/*In-person meetings at the Company's headquarters;*

+ Thành phần tham dự họp/ *Participants:* Đầy đủ các Thành viên Ban Kiểm soát/ *All members of the Supervisory Board;*

+ Nội dung họp/ *Agenda:*

- Cập nhật, thảo luận, làm rõ tình hình SXKD của Công ty/ *Updates and discussions on the Company's business performance;*
- Thông qua nội dung kế hoạch công tác kiểm soát hàng quý/ *Approval of quarterly supervisory plans;*
- Thống nhất nội dung báo cáo kiểm soát hàng quý và các ý kiến, kiến nghị, lưu ý đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các Phòng, Ban, Chi nhánh Công ty/ *Agreement on quarterly supervisory reports, observations, and recommendations for the BOD, the Executive Board, and relevant departments and branches;*

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức năm (05) cuộc họp chuyên đề với hình thức họp trực tiếp tại trụ sở Công ty: Thống nhất nội dung kế hoạch kiểm

soát và nội dung báo cáo kết quả kiểm soát tại Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Nhon Trach vào quý II/2024; tại Chi nhánh Hà Tĩnh vào quý III/2024; tại Văn phòng Công ty vào quý IV/2024. Xem xét, nghiên cứu, phân tích làm rõ và trả lời các nội dung được cổ đông gửi ý kiến quan tâm/*Additionally, the Supervisory Board convened five (05) specialized meetings at the Company's headquarters to finalize supervisory plans and review inspection reports for the Ca Mau and Nhon Trach branches in Q2/2024, the Ha Tinh Branch in Q3/2024, and the Headquarters in Q4/2024. These meetings also addressed shareholder inquiries, analyzed issues of interest, and provided official responses.*

Ban Kiểm soát đã tổ chức họp hội ý nhanh nhiều lần (trực tiếp hoặc online) để thảo luận, thống nhất giữa các Thành viên Ban Kiểm soát về các hoạt động của Ban Kiểm soát; về các vấn đề chuyên môn và trao đổi cập nhật các công việc liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty/*The Supervisory Board conducted multiple ad-hoc consultations (both in-person and online) to discuss and reach consensus on its activities, professional matters, and updates related to the Company's business operations;*

Sau khi trao đổi, thảo luận công khai trong các cuộc họp, 100% các Thành viên Ban Kiểm soát đều thống nhất thông qua các nội dung được đưa ra để bàn thảo hoặc xin ý kiến/*After open discussions in these meetings, all Supervisory Board members unanimously approved the proposed resolutions and recommendations.*

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty và Ban kiểm soát/ *Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors, the Company's Executive Board and the Board of Supervisors*

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salaries, bonuses, remuneration and benefits*

3.1.1. Lương, thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty/ *Salaries, bonuses of members of the Board of Directors, the Head of the Board of Supervisors, the Director and the Chief Accountant of the Company*

Stt	Họ và tên/Full Name	Chức vụ/Position	Tiền lương/Thu nhập năm 2024 (Đồng) <i>Salary/Income 2024</i>
1	Ông/Mr. Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT/Chairman	932.387.615
2	Ông/Mr. Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT, Giám đốc/ Member of BODs, Director	932.387.615

Stt	Họ và tên/Full Name	Chức vụ/Position	Tiền lương/Thu nhập năm 2024 (Đồng) Salary/Income 2024
3	Ông/Mr. Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên HĐQT/ Member of BODs	440.078.599
4	Ông/Mr. Lê Đình Thái	Kế toán trưởng/Chief Accountant	704.430.145

3.1.2. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát/
Remuneration of members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors:

STT	Họ và tên/Fullname	Chức vụ/Position	Thù lao tháng/ Monthly remuneration (Đồng)
1	Bà/Mrs. Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên HĐQT/ Member of BODs	5.000.000
2	Ông/Mr. Vũ Huy An	Thành viên độc lập HĐQT/ Independent Member of BODs	5.000.000
3	Ông/Mr. Nguyễn Quang Đông	Trưởng Ban Kiểm soát/Head of Supervisory Board	5.000.000
4	Bà/Mrs. Nguyễn Thị Phụng	Thành viên BKS/ Member of Supervisory Board	3.000.000
5	Bà/Mrs. Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên BKS/ Member of Supervisory Board	3.000.000

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/ Insider stock transactions: Không/None.*

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ Contracts or transactions with insiders: Không có/None.*

3.4. *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Assessment of implementation of corporate governance regulations: Tuân thủ theo quy định pháp luật về quản trị Công ty/ Compliance with legal regulations on corporate governance..*

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH/Financial Statement

1.1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's Opinion

- Đơn vị kiểm toán độc lập/*Auditng Company*: CÔNG TY TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam/CPA Vietnam Auditing Company Limited.
- Ý kiến kiểm toán viên/Auditor's Opinion: Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho

năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp/ *The Financial Satements, in all material respects, give the true and fair view of th financial position of The Company as at 31th December 2024, and the results of its operations and its cash flows for the year ended 31/12/2024 in accordance with the prevailing Vietnamese Accounting Standarts, Vietnamese Enterprise Accounting System and revelant legal regulation and presentation of the financial statements.*

• **Vấn đề khác/Other issues**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán ngày 29/2/2024 đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần/*The Financial satements for the year ending December 31th, 2023 have been audited by another independent auditing company who issued the Audit Report dated February 29th, 2024 with an unqualified opinion.*

1.2. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2024/Audited Finance Satement of 2024: Xem chi tiết tại file đính kèm/Details in attach file

- Xem toàn văn Báo cáo tài chính tại website: www.pvps.vn/.
Full text of Finance Satement of 2024 on website: www.pvps.vn/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Hội đồng Quản trị (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT,
P.H,A (01 e-copy)

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY/
THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE
GIÁM ĐỐC/GENERAL DIRECTOR**


Vũ Anh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Toà nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với Mã chứng khoán PPS.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Toà nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên
Ông Vũ Huy An	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên
Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Anh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Số: 84/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, được lập ngày 28/02/2025, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán ngày 29/02/2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Thị Tiến**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		247.269.513.603	224.396.863.714
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	33.909.703.026	28.431.244.144
1. Tiền	111		18.539.703.026	8.431.244.144
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.370.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.542.986.361	59.470.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	32.542.986.361	59.470.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.630.648.834	107.388.660.967
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	151.590.077.253	103.712.348.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	7.822.082.000	214.792.080
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.218.489.581	3.461.520.080
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	18.162.796.131	23.859.848.731
1. Hàng tồn kho	141		18.162.796.131	23.859.848.731
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.379.251	5.247.109.872
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	23.379.251	64.113.118
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	5.182.996.754
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		44.755.204.585	41.535.640.539
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.860.000	37.860.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	37.860.000	37.860.000
II. Tài sản cố định	220		14.812.550.993	13.282.202.442
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	14.812.550.993	13.282.202.442
- Nguyên giá	222		94.459.548.609	90.495.095.233
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.646.997.616)	(77.212.892.791)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		2.288.155.290	2.288.155.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.288.155.290)	(2.288.155.290)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	5.040.000.000	5.040.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000	5.040.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.864.793.592	23.175.578.097
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	24.864.793.592	23.175.578.097
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		292.024.718.188	265.932.504.253

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		102.615.233.510	77.486.163.721
I. Nợ ngắn hạn	310		102.615.233.510	77.486.163.721
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	45.895.258.547	28.394.381.980
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	10.993.626.666	1.192.198.584
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.566.843.105	3.585.984.751
4. Phải trả người lao động	314		31.942.282.827	31.379.146.540
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.164.458.005	4.408.532.293
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.962.040.257	7.055.835.778
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.090.724.103	1.470.083.795
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		189.409.484.678	188.446.340.532
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	189.409.484.678	188.446.340.532
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.686.994.576	20.686.994.576
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.722.490.102	17.759.345.956
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		121.242.018	68.826.262
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.601.248.084	17.690.519.694
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		292.024.718.188	265.932.504.253
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Hoàng Thị Hồng Trang

Lê Đình Thái

Vũ Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	372.622.978.479	303.639.860.524
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		372.622.978.479	303.639.860.524
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	310.112.817.982	240.016.200.699
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		62.510.160.497	63.623.659.825
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.938.146.842	6.595.985.406
7. Chi phí tài chính	22	6.4	115.452.378	69.724.653
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.335.617	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	41.812.792.953	44.159.902.919
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		24.520.062.008	25.990.017.659
11. Thu nhập khác	31	6.6	104.453.657	295.853.250
12. Chi phí khác	32	6.6	667.324.740	2.395.094.932
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(562.871.083)	(2.099.241.682)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		23.957.190.925	23.890.775.977
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.355.942.841	6.200.256.283
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		18.601.248.084	17.690.519.694
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.240	943

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025
Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.957.190.925	23.890.775.977
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.816.643.049	4.444.688.196
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		80.554.099	48.059.508
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.940.015.024)	(6.592.919.461)
- Chi phí lãi vay	06		33.335.617	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.947.708.666	21.790.604.220
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(51.714.358.191)	172.141.190.086
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.697.052.600	(3.106.524.777)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		27.021.937.868	(180.244.197.791)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.648.481.628)	(210.111.794)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(33.335.617)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.123.144.658)	(5.913.788.575)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.917.463.630)	(3.194.470.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.770.084.590)	1.262.701.369
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.346.991.600)	(6.160.039.177)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.868.182	2.004.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(96.492.986.361)	(174.970.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		123.420.000.000	196.470.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.593.513.920	5.617.851.573
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		27.175.404.141	20.959.816.941
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		8.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.000.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.926.704.836)	(14.710.172.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.926.704.836)	(14.710.172.229)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5.478.614.715	7.512.346.081
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		28.431.244.144	20.917.908.231
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(155.833)	989.832
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	33.909.703.026	28.431.244.144

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Giám đốc





Vũ Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với Mã chứng khoán PPS.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Toà nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 428 người (tại ngày 31/12/2023 là 431 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện - điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV, công suất đến 4.000MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất pin và ắc quy;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không gồm các dịch vụ tư vấn tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm và tư vấn pháp lý);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động bảo vệ tư nhân;
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vệ sinh chung nhà cửa.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cung cấp dịch vụ sửa chữa nhà máy điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cà Mau	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện	Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty kèm theo là Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Nhơn Trạch, Chi nhánh Hà Tĩnh và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với doanh nghiệp hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm quản lý được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03- 05 năm.

Nguyên tắc kế toán thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty là thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc toà HH3 Sông Đà trong thời hạn 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí tham quan học hỏi, nhân công thuê ngoài, chi phí đồng phục và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Trích trước theo hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ và doanh thu cho thuê tài sản hoạt động.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của giá thành sản xuất và giá vốn dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận hành nhà máy điện và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	344.859.533	288.688.926
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.194.843.493	8.142.555.218
Các khoản tương đương tiền	15.370.000.000	20.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	15.370.000.000	20.000.000.000
Tổng	33.909.703.026	28.431.244.144

(*): Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất trong năm là 4,4%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	32.542.986.361	32.542.986.361	59.470.000.000	59.470.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	32.542.986.361	32.542.986.361	59.470.000.000	59.470.000.000
Tổng	32.542.986.361	32.542.986.361	59.470.000.000	59.470.000.000

(*): Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất trong năm là từ 2,9%/năm đến 4,6%/năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	151.590.077.253	103.712.348.807
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	10.242.380.066	47.519.934.227
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	15.824.484.104	18.652.639.071
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	3.546.640.264
Công ty TNHH KOMIPO Vân Phong Power Service	27.677.669.050	-
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	532.806.481	10.656.129.625
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	68.931.928.863	56.522.880
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	6.606.186.471	12.800.343.498
Phải thu các đối tượng khác	21.774.622.218	10.480.139.242
Tổng	151.590.077.253	103.712.348.807

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

102.013.361.991

82.576.079.940

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	7.822.082.000	214.792.080
Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Khánh Anh	-	210.142.080
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại VIETNET	5.184.614.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Trường Khải	2.637.468.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	-	4.650.000
Tổng	7.822.082.000	214.792.080

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	3.218.489.581	-	3.461.520.080	-
- Phải thu khác	1.024.643.983	-	2.811.344.796	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	397.289.493	-	2.176.042.932	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	453.600.000	-	403.200.000	-
Phải thu đối tượng khác	173.754.490	-	232.101.864	-
Tạm ứng	1.723.897.723	-	502.727.409	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	469.947.875	-	147.447.875	-
Dài hạn	37.860.000	-	37.860.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	37.860.000	-	37.860.000	-
Tổng	3.256.349.581	-	3.499.380.080	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.469.134	-	116.164.921	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.150.326.997	-	23.743.683.810	-
Dự án Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh	16.701.641.643	-	7.021.893.368	-
Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2	-	-	11.414.042.758	-
Các dự án khác	1.448.685.354	-	5.307.747.684	-
Tổng	18.162.796.131	-	23.859.848.731	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	23.379.251	64.113.118
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	21.983.871
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	23.379.251	42.129.247
Dài hạn	24.864.793.592	23.175.578.097
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	20.980.465.005	21.608.309.349
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.884.328.587	1.567.268.748
Tổng	24.888.172.843	23.239.691.215

(*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc toà HH3 Sông Đà trong thời hạn 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	1.334.200.000	44.386.242.595	21.842.451.775	22.932.200.863	90.495.095.233
Tăng trong năm	75.000.000	5.132.621.600	4.080.000.000	139.370.000	9.426.991.600
Mua trong năm	75.000.000	5.132.621.600	-	139.370.000	5.346.991.600
Phân loại lại	-	-	4.080.000.000	-	4.080.000.000
Giảm trong năm	-	4.630.234.000	-	832.304.224	5.462.538.224
Thanh lý, nhượng bán	-	550.234.000	-	832.304.224	1.382.538.224
Phân loại lại	-	4.080.000.000	-	-	4.080.000.000
Số dư tại 31/12/2024	1.409.200.000	44.888.630.195	25.922.451.775	22.239.266.639	94.459.548.609
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	1.334.200.000	34.704.576.673	18.787.123.722	22.386.992.396	77.212.892.791
Tăng trong năm	846.774	1.625.261.089	5.375.715.275	310.819.853	7.312.642.991
Khấu hao trong năm	846.774	1.625.261.089	1.879.715.333	310.819.853	3.816.643.049
Phân loại lại	-	-	3.495.999.942	-	3.495.999.942
Giảm trong năm	-	4.046.233.942	-	832.304.224	4.878.538.166
Thanh lý, nhượng bán	-	550.234.000	-	832.304.224	1.382.538.224
Phân loại lại	-	3.495.999.942	-	-	3.495.999.942
Số dư tại 31/12/2024	1.335.046.774	32.283.603.820	24.162.838.997	21.865.508.025	79.646.997.616
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	-	9.681.665.922	3.055.328.053	545.208.467	13.282.202.442
Tại ngày 31/12/2024	74.153.226	12.605.026.375	1.759.612.778	373.758.614	14.812.550.993

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 65.029.261.075 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 61.721.112.661 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm tin học VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2024	2.288.155.290	2.288.155.290
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	2.288.155.290	2.288.155.290
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2024	2.288.155.290	2.288.155.290
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	2.288.155.290	2.288.155.290
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 là 2.288.155.290 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác			5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
Công ty cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí	11,90%	11,90%	5.040.000.000	(i)	5.040.000.000	(i)
Tổng			5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	45.895.258.547	45.895.258.547	28.394.381.980	28.394.381.980
Công ty TNHH Megarig Industries	-	-	2.991.295.911	2.991.295.911
Công ty Cổ phần LIBERICO	-	-	5.451.145.810	5.451.145.810
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật & Thương mại Tâm Thành Phát	9.705.700.125	9.705.700.125	3.726.456.975	3.726.456.975
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật và Nhân lực XL	6.885.546.278	6.885.546.278	5.479.726.919	5.479.726.919
DESGN BUILT PRIVATE LIMITED	1.816.318.386	1.816.318.386	1.735.920.120	1.735.920.120
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Unicom	5.431.200.000	5.431.200.000	-	-
Các đối tượng khác	22.056.493.758	22.056.493.758	9.009.836.245	9.009.836.245
Tổng	45.895.258.547	45.895.258.547	28.394.381.980	28.394.381.980

5.12 Người mua trả tiền trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	10.993.626.666	1.192.198.584
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Sumec Complete Equipment & Engineering Co.,Ltd	897.883.584	897.883.584
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	7.567.183.638	-
Công ty nhiệt điện Mông Dương	2.234.244.444	-
Tổng	10.993.626.666	1.192.198.584

Trong đó:

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

7.861.498.638

294.315.000

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	3.585.984.751	21.065.043.902	19.084.185.548	5.566.843.105
Thuế giá trị gia tăng	251.184.283	10.498.317.143	6.740.105.620	4.009.395.806
Thuế XNK	-	2.519.924.206	2.519.924.206	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.014.502.834	5.355.942.841	7.123.144.658	1.247.301.017
Thuế thu nhập cá nhân	320.297.634	2.686.859.712	2.697.011.064	310.146.282
Lệ phí môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.164.458.005	4.408.532.293
Chi phí tham quan học hỏi	-	675.694.445
Chi phí học nghị tổng kết công tác	-	278.000.000
Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	235.000.000	238.900.000
Chi phí đào tạo tay nghề và sáng kiến cải tiến kỹ thuật	-	949.077.559
Chi phí đồng phục	-	1.871.415.000
Chi phí phụ cấp độc hại	287.613.356	-
Trích trước chi phí khác	641.844.649	395.445.289
Tổng	1.164.458.005	4.408.532.293

5.15 Phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	5.962.040.257	7.055.835.778
Kinh phí công đoàn	367.746.258	415.302.980
Bảo hiểm xã hội	281.318.281	226.498.710
Bảo hiểm y tế	103.358.401	93.459.292
Bảo hiểm thất nghiệp	83.058.737	82.697.893
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.250.000	50.250.000
Phải trả, phải nộp khác	5.076.308.580	6.187.626.903
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.195.775.584	1.022.546.057
Các khoản phải trả khác	3.880.532.996	5.165.080.846
Tổng	5.962.040.257	7.055.835.778

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	150.000.000.000	20.686.994.576	18.612.805.734	189.299.800.310
Lãi trong năm trước	-	-	17.690.519.694	17.690.519.694
Trích lập các quỹ	-	-	(3.693.979.472)	(3.693.979.472)
Chia cổ tức	-	-	(14.850.000.000)	(14.850.000.000)
Số dư tại 31/12/2023	150.000.000.000	20.686.994.576	17.759.345.956	188.446.340.532
Số dư tại 01/01/2024	150.000.000.000	20.686.994.576	17.759.345.956	188.446.340.532
Lãi trong năm nay	-	-	18.601.248.084	18.601.248.084
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(3.538.103.938)	(3.538.103.938)
Chia cổ tức (*)	-	-	(14.100.000.000)	(14.100.000.000)
Số dư tại 31/12/2024	150.000.000.000	20.686.994.576	18.722.490.102	189.409.484.678

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 64/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 10/4/2024 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 3.538.103.938 VND; chia cổ tức 14.100.000.000 VND.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	76.500.000.000
YTL Power Service Sdn.Bhd.	27.000.000.000	27.000.000.000
America LLC	13.466.000.000	11.888.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	33.034.000.000	34.612.000.000
Tổng	150.000.000.000	150.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.100.000.000	14.850.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán vật tư, hàng hoá	42.834.761.422	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	329.788.217.057	303.639.860.524
Tổng	372.622.978.479	303.639.860.524
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>234.680.979.085</i>	<i>236.480.241.358</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn vật tư, hàng hoá	41.402.065.115	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	268.710.752.867	240.016.200.699
Tổng	310.112.817.982	240.016.200.699

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.484.546.842	6.187.714.916
Cổ tức, lợi nhuận được chia	453.600.000	403.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	5.070.490
Tổng	3.938.146.842	6.595.985.406

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	33.335.617	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.562.662	21.665.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	80.554.099	48.059.508
Tổng	115.452.378	69.724.653

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.812.792.953	44.159.902.919
Chi phí nhân viên quản lý	25.850.947.045	25.869.800.238
Chi phí vật liệu quản lý	2.044.643.022	1.964.416.175
Chi phí khấu hao TSCĐ	499.450.141	552.137.770
Thuế phí và lệ phí	125.135.874	164.233.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.094.059.372	10.194.506.672
Chi phí bằng tiền khác	6.198.557.499	5.414.808.093
Tổng	41.812.792.953	44.159.902.919

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	1.868.182	2.004.545
Tiền phạt thu được	89.536.383	262.616.337
Thu nhập khác	13.049.092	31.232.368
Tổng	104.453.657	295.853.250
Chi phí khác		
Phạt vi phạm hợp đồng	299.146.477	2.393.992.896
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH, truy thu thuế	368.178.263	800.702
Chi phí khác	-	301.334
Tổng	667.324.740	2.395.094.932
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(562.871.083)	(2.099.241.682)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.957.190.925	23.890.775.977
Các khoản điều chỉnh tăng	834.256.339	7.491.715.437
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>252.000.000</i>	<i>252.000.000</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>582.256.339</i>	<i>7.239.715.437</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	1.431.842.595	443.444.934
<i>Điều chỉnh giảm chi phí trích trước</i>	<i>302.548.150</i>	<i>40.244.934</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>453.600.000</i>	<i>403.200.000</i>
<i>Chi phí hạch toán năm trước cơ quan thuế chuyển chi phí sang năm nay</i>	<i>675.694.445</i>	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	23.359.604.669	30.939.046.480
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.671.920.934	6.187.809.296
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	684.021.907	12.446.987
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.355.942.841	6.200.256.283

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	18.601.248.084	17.690.519.694
Các khoản điều chỉnh		
<i>Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	-	(3.538.103.938)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	18.601.248.084	14.152.415.756
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.240	943

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 trình bày lại do trong năm 2024 công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 64/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 10/04/2024 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 3.538.103.938 VND. Do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trừ đi số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 từ 1.179 VND/cổ phiếu xuống còn 943 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Năm 2023 VND (Đã trình bày)	Năm 2023 VND (Trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (VND)	17.690.519.694	17.690.519.694	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(3.538.103.938)	(3.538.103.938)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	17.690.519.694	14.152.415.756	(3.538.103.938)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.179	943	(236)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.622.933.430	15.595.880.556
Chi phí nhân công	182.273.364.741	147.936.293.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.816.643.049	4.444.688.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.957.580.956	108.710.648.115
Chi phí khác bằng tiền	17.640.486.948	10.564.685.760
Tổng	308.311.009.124	287.252.196.166

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC) (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAI)	Ông Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc là Thành viên HĐQT, người đại diện vốn của PPS tại PAI)
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Lương và thù lao	5.645.977.790	5.866.829.769

Trong đó chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT	879.172.342	932.387.615
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên kiêm Giám đốc	878.562.749	932.040.028
Ông Phan Ngọc Anh	Thành viên (Miễn nhiệm 20/4/2023)	-	15.000.000
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên	686.735.771	440.078.599
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Vũ Huy An	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	724.397.935	758.748.715
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	728.672.463	787.884.615
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc	775.829.253	785.322.170
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc	720.607.276	709.284.188
Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng BKS (Miễn nhiệm 20/4/2023)	-	269.083.839
Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng BKS	60.000.000	54.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên BKS	36.000.000	27.000.000
Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng			1.205.245.301	1.335.800.031
Công ty Điện lực Dầu khí	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	1.080.894.355	1.195.538.421
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	124.350.946	140.261.610
Bán hàng			234.680.979.085	236.480.241.358
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	21.177.575.188	14.319.159.136
Công ty Điện lực Dầu khí	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	33.973.412.764	76.085.575.738
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	60.577.726.947	75.260.067.162
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	63.770.873.715	22.595.354.237
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	51.030.401.555	45.019.626.201
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	-	434.714.727
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	699.988.916	-
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	3.451.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	2.119.207.794
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	-	646.536.363
Tiền phạt hợp đồng			-	2.387.632.896
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Trực thuộc Công ty mẹ	Phạt hợp đồng	-	2.387.632.896

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng		102.013.361.991	82.576.079.940
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	-	3.546.640.264
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	6.606.186.471	12.800.343.498
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Trực thuộc Công ty mẹ	15.824.484.104	18.652.639.071
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	10.242.380.066	47.519.934.227
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Trực thuộc Công ty mẹ	68.931.928.863	56.522.880
Công ty CP năng lượng tái tạo điện lực dầu khí	Cùng Công ty mẹ	126.502.487	-
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	281.880.000	-
Người mua trả tiền trước		7.861.498.638	294.315.000
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	294.315.000	294.315.000
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	Trực thuộc Công ty mẹ	7.567.183.638	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng

Lê Đình Thái

Giám đốc



Vũ Anh Tuấn



**PETROVIETNAM POWER SERVICES
JOINT STOCK COMPANY**

**AUDITED FINANCIAL STATEMENTS
For the period ended December 31st, 2024**

TABLE OF CONTENTS

CONTENTS	Page
STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS	2 - 3
INDEPENDENT AUDITOR'S REPORTS	4 - 5
AUDITED FINANCIAL STATEMENTS	
Balance Sheet	6 - 7
Income Statement	8
Cash Flows Statement	9
Notes to the Financial statements	10 - 32

PETROVIETNAM POWER SERVICES JOINT STOCK COMPANY

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban Area, My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi

STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors of PetroVietnam Power Services Joint Stock Company presents this report together with the Company's audited financial statements for the year ended 31/12/2024.

THE COMPANY

PetroVietnam Power Services Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") is established under the Certificate of Business Registration No.0102560459 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment for the first time on November 27th, 2007, registered for the 12th change on May 20th, 2024 on adding business lines and changing representative information represented by law.

Charter capital of the Company according to the Certificate of Business changed for the 12 times on May 20th, 2024 is VND 150,000,000,000 (*In words: One hundred and fifty billion VND*).

The company's shares are being traded on the HNX exchange with the stock code PPS.

Company headquarters address: 7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban Area, My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi.

BOARDS OF MANAGEMENT, SUPERVISORS AND DIRECTORS

Members of Boards of Management, Supervisors and Directors who held the Company during the year and at the date of this report are as follows:

Board of Management

Mr. Bui Duy Nhi	Chairman
Mr. Vu Anh Tuan	Member
Mrs. Hoang Ha Quynh Giao	Member
Mr. Vu Huy An	Independent board member
Mr. Ho Nguyen Hoang	Member

Board of Supervisors

Mr. Nguyen Quang Dong	Head of the Board
Mrs. Nguyen Thi Mai Hoa	Member
Mrs. Nghiem Thi Phuong	Member

Board of Directors

Mr. Vu Anh Tuan	Director
Mr. Phung Van Duc	Deputy Director
Mr. Phan Xuan Thang	Deputy Director
Mr. Le Van Tu	Deputy Director
Mr. Bui Van Chinh	Deputy Director

STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS (CONTINUED)

SUBSEQUENT EVENTS

According to the Board of General Directors, in all material respects, there have been no other significant events occurring after the balance sheet date, affecting the financial position and operation of the Company which would require adjustments to or disclosures to be made in the financial statements for the year ended December 31st, 2024.

AUDITORS

The Company's financial statements for the year ended 31st December 2024 have been audited by CPA VIETNAM Auditing Company limited - A Member Firm of INPACT.

BOARD OF DIRECTORS' RESPONSIBILITY

The Company's Board of Directors is responsible for preparing the financial statements, which give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31/12/2024 as well as of its income and cash flows statements for the year then ended, complying with Vietnamese Standards on Accounting, Vietnamese Accounting System and relevant regulations in preparation and disclosure of financial statements. In preparing these financial statements, the Board of Directors is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements;
- Prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business;
- Establish and maintain effective internal control in the preparation of financial statements to obtain reasonable assurance that the financial statements are free of material misstatement

The Board of Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and to ensure that the financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System and prevailing accounting regulations in Vietnam. It is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Directors confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing the financial statements.

For and on behalf of the Board of Directors,



Vu Anh Tuan
Director

Hanoi, February 28th, 2025

Head Office in Hanoi:

8th floor, VG Building, No. 235 Nguyen Trai Str.,
Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121

+84 (24) 3 783 2122

info@cpavietnam.vn

www.cpavietnam.vn

No: 84/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

To: **Shareholders**
Boards of Management, Supervisors and Directors
PetroVietnam Power Services Joint Stock Company

We have audited the accompanying financial statements of PetroVietnam Power Services Joint Stock Company, as set out on pages 06 to 32, which prepared on February 28th, 2025 comprise the Balance sheet as at 31st December 2024, and the Statement of income, and Statement of cash flows for the year ended 31st December 2024, and Notes to the financial statements.

The Board of Directors' responsibilities

Our responsibility is to express our opinion on the financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnam Auditing Standards. Those standards require that we comply with the standards and regulations of professional ethics, planning and implementation of the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements of the Company are free of material misstatements.

Auditors' responsibilities

Our responsibility is to express our opinion on the financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnam Auditing Standards. Those standards require that we comply with the standards and regulations of professional ethics, planning and implementation of the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements of the Company are free of material misstatements.

An audit includes implementing procedures to gather audit evidence about the data and disclosures in the financial statements. The audit procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement in the financial statements due to fraud or errors. When performing this risk assessment, the auditor has to consider internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of financial statements in order to design audit procedures that are appropriate with the actual situation, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of internal control of the Company. The audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate basis for our audit opinion.

Auditor's Opinion

In our opinion, the financial statements, in all material respects, give a true and fair view of the financial position of The Company as at 31st December 2024, and the results of its operations and its cash flows for the year ended 31/12/2024 in accordance with the prevailing Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant legal regulations relating to preparation and presentation of the financial statements.

Other issues

The financial statements for the fiscal year ending December 31st, 2023 have been audited by another independent auditing company who issued the Audit Report dated February 29th, 2024 with an unqualified opinion.



Nguyen Thi Mai Hoa**Deputy General Director**

Certificate of registration of auditing practice

No: 2326-2023-137-1

Authorised: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM dated 02/01/2025 of Chairman, General Director

For and on behalf of

CPA VIETNAM AUDITING COMPANY LIMITED**A member firm of INPACT***Hanoi, February 28th, 2025*

Nguyen Thi Tien**Auditor**

Certificate of registration of auditing practice

No: 5276-2021-137-1

**PETROVIETNAM POWER SERVICES
JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 01 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

BALANCE SHEET
As at December 31st, 2024

ASSETS	Code	Note	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A - CURRENT ASSETS	100		247,269,513,603	224,396,863,714
(100=110+120+130+140+150)				
I. Cash and cash equivalents	110	5.1	33,909,703,026	28,431,244,144
1. Cash	111		18,539,703,026	8,431,244,144
2. Cash equivalents	112		15,370,000,000	20,000,000,000
II. Short-term financial investments	120		32,542,986,361	59,470,000,000
3. Held to maturity Investments	123	5.2	32,542,986,361	59,470,000,000
III. Short-term receivables	130		162,630,648,834	107,388,660,967
1. Short-term receivables from customers	131	5.3	151,590,077,253	103,712,348,807
2. Short-term repayments to suppliers	132	5.4	7,822,082,000	214,792,080
6. Other short-term receivables	136	5.5	3,218,489,581	3,461,520,080
IV. Inventories	140	5.6	18,162,796,131	23,859,848,731
1. Inventories	141		18,162,796,131	23,859,848,731
V. Other current assets	150		23,379,251	5,247,109,872
1. Short-term prepaid expenses	151	5.7	23,379,251	64,113,118
2. Deductible value added tax	152		-	5,182,996,754
B - LONG-TERM ASSETS	200		44,755,204,585	41,535,640,539
(200=210+220+250+260)				
I. Long-term receivables	210		37,860,000	37,860,000
6. Other long-term receivables	216	5.5	37,860,000	37,860,000
II. Fixed assets	220		14,812,550,993	13,282,202,442
1. Tangible fixed assets	221	5.8	14,812,550,993	13,282,202,442
- Historical costs	222		94,459,548,609	90,495,095,233
- Accumulated depreciation	223		(79,646,997,616)	(77,212,892,791)
3. Intangible fixed assets	227	5.9	-	-
- Historical costs	228		2,288,155,290	2,288,155,290
- Accumulated depreciation	229		(2,288,155,290)	(2,288,155,290)
V. Long-term investments	250	5.10	5,040,000,000	5,040,000,000
3. Investments in equity of other entities	253		5,040,000,000	5,040,000,000
VI. Other long-term assets	260		24,864,793,592	23,175,578,097
1. Long-term prepaid expenses	261	5.7	24,864,793,592	23,175,578,097
TOTAL ASSETS (270 = 100+200)	270		292,024,718,188	265,932,504,253

**PETROVIETNAM POWER SERVICES
JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 01 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

BALANCE SHEET (Continued)

As at December 31st, 2024

RESOURCES	Code	Note	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C- LIABILITIES (300=310)	300		102,615,233,510	77,486,163,721
I. Short-term liabilities	310		102,615,233,510	77,486,163,721
1. Short-term trade payables	311	5.11	45,895,258,547	28,394,381,980
2. Short-term prepayments from customers	312	5.12	10,993,626,666	1,192,198,584
3. Taxes and other payables to government budget	313	5.13	5,566,843,105	3,585,984,751
4. Payables to employees	314		31,942,282,827	31,379,146,540
5. Short-term accrued expenses	315	5.14	1,164,458,005	4,408,532,293
9. Other short-term payments	319	5.15	5,962,040,257	7,055,835,778
12. Bonus and welfare fund	322		1,090,724,103	1,470,083,795
D- OWNERS' EQUITY	400		189,409,484,678	188,446,340,532
(400 = 410)				
I- Owners' equity	410	5.16	189,409,484,678	188,446,340,532
1. Contributed capital	411		150,000,000,000	150,000,000,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		150,000,000,000	150,000,000,000
8. Development and investment funds	418		20,686,994,576	20,686,994,576
11. Undistributed profit after tax	421		18,722,490,102	17,759,345,956
- Undistributed profit after tax brought forward	421a		121,242,018	68,826,262
- Undistributed profit after tax for the current year	421b		18,601,248,084	17,690,519,694
TOTAL LIABILITIES				
AND OWNERS' EQUITY (440 = 300+400)	440		292,024,718,188	265,932,504,253

Hanoi, February 28th, 2025

Preparer

Chief Accountant

Director



Hoang Thi Hong Trang



Le Dinh Thai



Vu Anh Tuan

**PETROVIETNAM POWER SERVICES
JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 02 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

INCOME STATEMENT

For the period ended December 31st, 2024

ITEMS	Code	Note	In 2024	In 2023
			VND	VND
1. Revenues from sales and services rendered	01	6.1	372,622,978,479	303,639,860,524
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenues from sales and services rendered (10 = 01-02)	10		372,622,978,479	303,639,860,524
4. Costs of goods sold	11	6.2	310,112,817,982	240,016,200,699
5. Gross revenues from sales and services rendered (20 = 10-11)	20		62,510,160,497	63,623,659,825
6. Financial income	21	6.3	3,938,146,842	6,595,985,406
7. Financial expenses	22	6.4	115,452,378	69,724,653
<i>In which: interest expenses</i>	23		33,335,617	-
8. Selling expenses	25		-	-
9. General administrative expenses	26	6.5	41,812,792,953	44,159,902,919
10. Net profits from operating activities {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		24,520,062,008	25,990,017,659
11. Other income	31	6.6	104,453,657	295,853,250
12. Other expenses	32	6.6	667,324,740	2,395,094,932
13. Other profits (40 = 31-32)	40		(562,871,083)	(2,099,241,682)
14. Total net profit before tax (50 = 30+40+45)	50		23,957,190,925	23,890,775,977
15. Current corporate income tax expenses	51	6.7	5,355,942,841	6,200,256,283
16. Deferred corporate income tax expenses	52		-	-
17. Profits after corporate income tax (60 = 50-51-52)	60		18,601,248,084	17,690,519,694
18. Basic earnings per share	70	6.8	1,240	943

Preparer



Hoang Thi Hong Trang

Chief Accountant



Le Dinh Thai

Hanoi, February 28th, 2025

Director



Vu Anh Tuan

CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the period ended December 31st, 2024

ITEMS	Code	Note	In 2024	In 2023
			VND	VND
I. Cash flows from operating activities				
1. <i>Profit before tax</i>	01		23,957,190,925	23,890,775,977
2. <i>Adjustments for:</i>				
- Depreciation of fixed assets and investment properties	02		3,816,643,049	4,444,688,196
- Gains (losses) on exchange rate differences from revaluation of accounts derived from foreign currencies	04		80,554,099	48,059,508
- Gains (losses) on investing activities	05		(3,940,015,024)	(6,592,919,461)
- Interest expenses	06		33,335,617	-
3. <i>Operating profit before changes in working capital</i>	08		23,947,708,666	21,790,604,220
- Increase (decrease) in receivables	09		(51,714,358,191)	172,141,190,086
- Increase (decrease) in inventories	10		5,697,052,600	(3,106,524,777)
- Increase (decrease) in payables	11		27,021,937,868	(180,244,197,791)
- Increase (decrease) in prepaid expenses	12		(1,648,481,628)	(210,111,794)
- Paid interests	14		(33,335,617)	-
- Enterprise income tax paid	15		(7,123,144,658)	(5,913,788,575)
- Other payments on operating activities	17		(3,917,463,630)	(3,194,470,000)
<i>Net cash flows from operating activities</i>	20		(7,770,084,590)	1,262,701,369
II. Cash flows from investing activities				
1. Expenditures on purchase and construction of fixed assets and long-term assets	21		(5,346,991,600)	(6,160,039,177)
2. Proceeds from disposal or transfer of fixed assets and other long-term assets	22		1,868,182	2,004,545
3. Expenditures on loans and purchase of debt instruments from other entities	23		(96,492,986,361)	(174,970,000,000)
4. Proceeds from lending or repurchase of debt instruments from other entities	24		123,420,000,000	196,470,000,000
7. Proceeds from interests, dividends and distributed profits	27		5,593,513,920	5,617,851,573
<i>Net cash flows from investing activities</i>	30		27,175,404,141	20,959,816,941
III. Cash flows from financial activities				
3. Proceeds from borrowings	33		8,000,000,000	-
4. Repayment of principal	34		(8,000,000,000)	-
6. Dividends and profits paid to owners	36		(13,926,704,836)	(14,710,172,229)
<i>Net cash flows from financial activities</i>	40		(13,926,704,836)	(14,710,172,229)
Net cash flows during the period (50 = 20+30+40)	50		5,478,614,715	7,512,346,081
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60	5.1	28,431,244,144	20,917,908,231
Effect of exchange rate fluctuations	61		(155,833)	989,832
Cash and cash equivalents at the end of the period (70 = 50+60+61)	70	5.1	33,909,703,026	28,431,244,144

Preparer



Hoang Thi Hong Trang

Chief Accountant



Le Dinh Thai

Director



Vu Anh Tuan

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the period ended 31/12/2024

1. COMPANY INFORMATION**1.1 Structure of ownership**

PetroVietnam Power Services Joint Stock Company was established and operated under Business Registration Certificate No. firstly issued by Ha Noi Department of Planning and Investment November 27th, 2007, registered for the 12th change on May 20th, 2024 regarding the addition of business lines and change of information of the legal representative.

Charter capital of the Company according to the Certificate of Business the 12th change on May 20th, 2024 is VND 150,000,000,000 (*In words: One hundred and fifty billion VND*).

The Company's shares are being traded on the HNX exchange with the stock code PPS.

Company headquarters: 7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban Area, My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City .

The total number of employees of the Company as of December 31st, 2024 is 428 people (as of December 31st, 2023, it is 431 people).

1.2 Operating industries and principal activities

- Installation of industrial machinery and equipment. Installation, commissioning, maintenance and upgrading of telecommunications information systems, distributed control systems and other systems in the field of information technology applications;
- Other related technical consulting activities. Specialized consulting in electrical engineering for construction management of electrical - electronic and automation systems for power plants, transformer stations and industrial technology lines with voltage levels up to 500kV, capacity up to 4,000 MW;
- Technical testing and analysis;
- Repair other equipment;
- Wholesale of other machinery, equipment and spare parts;
- Install electrical system;
- Other education has not been classified yet;
- Other production has not been classified yet;
- Other telecommunications activities;
- Electricity production;
- Other remaining business support service activities have not been classified yet;
- Construction of other civil engineering works;
- Other professional, scientific and technological activities not classified elsewhere;
- Real estate business, land use rights belonging to the owner, user or tenant;
- Construction of other public works;
- Transmission and distribution of electricity (Except transmission and dispatch of the national electricity system);
- Selling spare parts and accessories for motorbikes and motorbikes;
- Wholesale of agricultural machinery, equipment and spare parts;
- Wholesale of metals and metal ores;
- Other specialized wholesale not yet classified;
- Retail of other new goods in specialized stores;
- Warehousing and storage of goods;
- Loading and unloading goods;
- Other support service activities related to transportation;
- Install water supply, drainage, heating and air conditioning systems;
- Installation of other construction systems;
- Completion of construction works;

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

1.2 Operating industries and principal activities (Continued)

- Wholesale of electronic telecommunications equipment and components;
- Repair machinery and equipment;
- Repair of electronic and optical equipment;
- Repair electrical equipment;
- Production of batteries and accumulators;
- Management consulting activities (Excluding financial consulting, auditing, securities, insurance and legal consulting services);
- Specialized design activities;
- Renting machinery, equipment and other tangible items no less than the operator;
- Supply and management of labor resources;
- Private security activities;
- System services ensure safety;
- General support services;
- Industrial cleaning and specialized projects;
- Landscape care and maintenance services;
- General office administrative services;
- Wholesale of materials and other installation equipment in construction;
- General house cleaning.

Main activities of the Company during the period: Providing power plant repair services.

1.3 Normal production and business cycle

The Company's normal production and business cycle is 12 months.

1.4 The Company structure

As of 31/12/2024, the Company has the following affiliated units:

<u>Unit</u>	<u>Address</u>	<u>Main line of business</u>
Ca Mau Branch – PetroVietnam Power Services Joint Stock Company	Ca Mau	Manage and coordinate construction workers in the area
Nhon Trach Branch - PetroVietnam Power Services Joint Stock Company	Dong Nai	Manage and coordinate construction workers in the area
Ha Tinh Branch - PetroVietnam Power Services Joint Stock Company	Ha Tinh	Manage and coordinate construction workers in the area
Branch of PetroVietnam Power Services Joint Stock Company in Da Nang - Electrical Testing Center	Da Nang	Sales of testing and calibration services for electrical equipment

1.5 Statement of information comparability on the financial statements

The Board of Directors ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards and System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22nd December 2014 and Circular No.53/2016/TT-BTC on amending and supplementing a number of articles of Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22nd, 2014 issued by the Ministry of Finance. Therefore, the information and figures presented in the financial statements are comparable.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

2. ACCOUNTING CONVENTION AND ACCOUNTING PERIOD

2.1 Accounting period

The Company's fiscal year applicable for the preparation of its financial statements starts on 1st January and ends on 31st December of solar year.

2.2 Currency used in accounting

The accompanying financial statements, are expressed in Vietnam Dong (VND).

3. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

3.1 Accounting System

The Company applied to Vietnamese Accounting System promulgated under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22nd December 2014 issued by the Ministry of Finance and Circular No. 53/2016/TT- BTC dated March 21st, 2016 amending and supplementing a number of articles of Circular 200/2014/TT- BTC dated December 22nd, 2014.

3.2 Statements for the compliance with Accounting Standards and system

The Board of Directors ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards and System, which were issued to guide the preparation and presentation of the financial statements.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The following are the main accounting policies applied by the Company in preparing the financial statements:

Basis of preparation of the financial statements

The attached financial statements are expressed in Vietnam Dong (VND), under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System and legal regulations relevant to the preparation and presentation of financial statements.

The accompanying financial statements are the financial statements of the Company Office, Ca Mau Branch, Nhon Trach Branch, Ha Tinh Branch and Branch of PetroVietnam Power Services Joint Stock Company in Da Nang - Electrical Experiment Center.

The accompanying financial statements are not intended to reflect the financial position, results of operations and cash flows in accordance with generally accepted accounting principles and practices. accepted in countries other than Vietnam.

Accounting estimates

The preparation of the financial statements in conformity with Vietnamese Standards on Accounting requires the Board of Directors to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and presentation of liabilities and Contingent assets at the date of preparation of the consolidated financial statements as well as reported data on revenue and expenses throughout the accounting period. Actual business results may differ from estimates and assumptions.

Cash and cash equivalents

Cash comprises cash on hand, bank deposits.

Cash equivalents are short-term investments with a redemption period or maturity of no more than 3 months from the date of purchase, are easily convertible into a specified amount of cash and do not have much risk in conversion into money.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Financial investments

Held to maturity investments

Held to maturity investments are those that the Company has intention and ability to hold until maturity. Held to maturity investments includes: term bank deposits with original maturities of more than 3 months.

Other investments: are recorded at cost, including purchase price plus directly attributable acquisition costs. After the initial recognition, these investments are measured at cost less allowance for diminution in value of investments.

Allowance for loss of investments

Allowance for losses of investments equity instruments of other entities is made when there is solid evidence showing a decline in the value of these investments at the end of the accounting period.

Receivables

The receivables comprise the customer receivables and other receivables. Receivables are recognized at the carrying amounts less allowances for doubtful debts.

Allowance for doubtful debts is assessed and made for overdue receivables that are difficult to be collected, or the debtor is unable to pay due to dissolution, bankruptcy or similar difficulties.

Inventories

Inventories are measured at the lower of cost and net realizable value. Cost of inventories comprise costs of direct materials, direct labor, and general operation (if any) incurred in bringing the inventories to their present location and conditions. For Company operating in trading industry: Costs of inventories comprise costs of purchases and other directly relevant costs.

The cost of inventories is determined in accordance with the weighted average method.

Net realizable value is the estimated selling price of inventory items less all estimated costs of completion and costs of marketing, selling and distribution. The Company uses the perpetual inventory method and calculate the price by the weighted average method.

The Company's allowance for impairment of inventories is made when there is reliable evidence of impairment of the net realizable value compared to the history cost of inventories.

Tangible fixed assets and Depreciation

Tangible fixed assets are stated at history cost less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use.

Tangible fixed assets are depreciated using straight-line method over their estimated useful lives. Details are as follows:

	<u>Years</u>
Buildings, structures	06
Machinery and equipment	05 - 07
Motor vehicles	05 - 10
Office equipment	03 - 07

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Intangible fixed assets and Amortization

The Company's intangible assets are management software are stated at history cost less accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the expenses paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use.

Management software is amortized using the straight-line method over its estimated useful life of 03-05 years.

Operating leases as lessee

The Company's operating leases are office leases. Payments for an operating lease are recognized as production and business costs by the straight line method during the entire asset lease term.

Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising but relevant to financial performance in several accounting periods. The Company's prepaid expenses includes tool costs, office rental costs and other costs.

Tools and equipment put into use are allocated to expenses using the straight-line method with an allocation period of no more than 03 years.

Office rental costs under a long-term lease contract with Viet Nguyen Construction Investment and Trading Company Limited, the Company leases the entire 7th floor of HH3 Song Da building for a period of 49 years from June 21st, 2010, the total one-time payment is VND 32,402,000,000. The prepaid office rental amount will be allocated to the annual costs corresponding to the lease period.

Payables

The account payables are monitored in details by payable terms, payable parties, original currency and other factors depending on the Company's management requirement.

The account payables include payables as trade payables, loans payable, intercompany payable and other payables which are determined almost certainly about the recorded value and term, which is not carried less than amount to be paid. They are classified as follows:

- Trade payables: reflect payables of commercial nature arising from the purchase of goods, services, or assets, payables for import through trustees of which the seller is an independent entity with the Company.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of goods or provisions of services.

Accrued expenses

Accrued expenses are those already recorded in operating expenses in the period but not actually paid to ensure that when these expenses actually occur, they will not have a significant influence on operating expenses based on matching principle between income and expenses.

The Company recognizes Accrued expenses as follows: Study tour costs, outsourced labor, uniform costs and other costs serving the Company's production and business activities: Prepaid according to service provision contracts.

Unrealized revenues

Unrealized revenue includes: revenue received in advance such as: Amount of money paid by customers in advance for one or more accounting periods for leasing assets. Periodically calculate, determine and transfer unrealized revenue to revenue in the period in accordance with the asset lease period.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Owners' equity

Capital is recorded according to the actual amounts invested by shareholders.

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after setting up funds in accordance with the Company's Charter as well as the provisions of law and approved by the General Meeting of Shareholders Members' Council.

Dividends/profits are recognized as a liability when approved by the General Meeting of Shareholders Council.

Revenue and other income

The Company's revenue is revenue from sales of goods, providing services and revenue from leasing operating assets.

Revenue from sales of goods

Revenue from sale of goods shall be recognized when it satisfies all the five (5) conditions below:

- The Company has transferred to the buyer the significant risks and reward of ownership of the goods;
- The Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the goods sold;
- The amount of revenue can be measured reliably;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- Costs related to transactions can be determined.

Revenue from services

Revenue from services is recognized when the outcome of that transaction can be reliably determined. Where a transaction involving the rendering of services is attributable to several periods, revenue is recognized in the year by reference to the percentage of completion of the transaction at the balance sheet date of that period. The outcome of a transaction can be measured reliably when all four (4) following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- Identify the completed work as at the balance sheet date; and
- Determine the costs incurred for the transaction as well as the cost to complete the transaction to provide that service.

Revenue of operating lease

Revenue of operating lease is recognized on a straight-line basis over the lease term. Rental payments received in advance of many periods are recognized to revenue in accordance with the lease term.

Revenue from interest income, dividends and profits received and other income:

The revenue is recognized when the Company can obtain economic benefits from the above activities and when it is reliably measured.

Cost of goods sold

Cost of goods sold is the total cost of production and service costs incurred during the period according to the principle of matching with revenue. Costs exceeding the normal level of inventories are recorded immediately in cost of goods sold.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Financial expenses

Financial expenses reflect expenses incurred during the period, which mainly include borrowing costs, Provision for devaluation of trading securities, provision for loss of investments in other entities, loss of sale of foreign currencies, loss of foreign exchange rates.

Current corporate income tax expense and deferred corporate income tax expense/ Current and deferred corporate income tax expenses

Corporate income tax expenses (or corporate income tax income): is total current in determining profit or loss of a period.

- Current income tax expenses: are corporate income tax payable calculated on taxable profit during the year and current corporate income tax rate. Current income tax is calculated on taxable income and applicable tax rate during the tax period. Difference between taxable income and accounting profit is from adjustment of differences between accounting profit and taxable income in accordance with current tax policies.

The Company has an obligation to pay corporate income tax at the rate of 20% on taxable profits.

The determination of the Company's income tax is based on current tax regulations. However, these regulations change from time to time and the final determination of corporate income tax depends on the examination results of the competent tax authorities.

Related parties

A party is considered a related party of the Company in case that party is able to control the Company or to cause material effects on the financial decisions as well as the operations of the Company. A party is also considered a related party of the Corporation in case that party is under the same control or is subject to the same material effects.

When considering the relationship of related parties, the nature of relationship is focused more than its legal form.

Earnings per share

Basic earnings per share are calculated by dividing net profit (loss) after tax for the year attributable to ordinary shareholders of the Company by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or related services (by business segment) or in providing products or services within a particular economic environment (geographical area) which is subject to risks and returns that are different from those of other segments. The Board of Directors confirms that the Company operates in business segments of electricity trading, construction and installation, other activities in a single geographical segment - Vietnam should not establish a segment report.

**PETROVIETNAM POWER SERVICES
JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 09 - DN
Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

5. SUPPLEMENTARY INFORMATION TO ITEMS DISCLOSED IN THE BALANCE SHEET

5.1 Cash and cash equivalents

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cash	344,859,533	288,688,926
Bank deposits	18,194,843,493	8,142,555,218
Cash equivalents	15,370,000,000	20,000,000,000
- Term deposits under 3 months (*)	15,370,000,000	20,000,000,000
Total	33,909,703,026	28,431,244,144

(*): Including deposits at banks with a term of 1 month, interest rate during the year is 4,4%/year.

5.2 Held to maturity investments

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Original cost	Book value	Original cost	Book value
Short-term	32,542,986,361	32,542,986,361	59,470,000,000	59,470,000,000
- Term deposits (*)	32,542,986,361	32,542,986,361	59,470,000,000	59,470,000,000
Total	32,542,986,361	32,542,986,361	59,470,000,000	59,470,000,000

(*): Including deposits at banks with a term of 6 month, interest rate during the year is from 2,9%/year to 4,6%/year.

5.3 Receivables from customers

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Short-term	151,590,077,253	103,712,348,807
Petro Vietnam Camau Power Company	10,242,380,066	47,519,934,227
Ha Tinh Oil and Gas Power Company	15,824,484,104	18,652,639,071
Nhon Trach Oil and Gas Power Company	-	3,546,640,264
KOMIPO Van Phong Power Service Limited Liability Company	27,677,669,050	-
Nghi Son Thermal Power Company - Branch of Power Generation Corporation 1	532,806,481	10,656,129,625
PetroVietnam Power Technical Services Center	68,931,928,863	56,522,880
Petrovietnam Power Nhon Trach 2	6,606,186,471	12,800,343,498
Joint Stock Company		
Others	21,774,622,218	10,480,139,242
Total	151,590,077,253	103,712,348,807

In which:

Receivables from related parties (Details in Note 7.1)	102,013,361,991	82,576,079,940
--	------------------------	-----------------------

**PETROVIETNAM POWER SERVICES
JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 09 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

5.4 Repayments to suppliers

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Short-term	7,822,082,000	214,792,080
Khanh Anh Construction and Service Company Limited	-	210,142,080
VIETNET Technology and Trade Joint Stock Company	5,184,614,000	-
Truong Khai Development Investment Company Limited	2,637,468,000	-
Other	-	4,650,000
Total	7,822,082,000	214,792,080

5.5 Other receivables

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Book value	Allowances	Book value	Allowances
Short-term	3,218,489,581	-	3,461,520,080	-
- Other receivables	1,024,643,983	-	2,811,344,796	-
<i>Interest receivable from deposits and loans</i>	397,289,493	-	2,176,042,932	-
<i>Dividends income and profit</i>	453,600,000	-	403,200,000	-
<i>Others</i>	173,754,490	-	232,101,864	-
Advances	1,723,897,723	-	502,727,409	-
Deposits	469,947,875	-	147,447,875	-
Long-term	37,860,000	-	37,860,000	-
Deposits	37,860,000	-	37,860,000	-
Total	3,256,349,581	-	3,499,380,080	-

5.6 Inventories

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Original value	Allowances	Original value	Allowances
Raw materials	12,469,134	-	116,164,921	-
Work in progress	18,150,326,997	-	23,743,683,810	-
<i>Formosa Ha Tinh Power Plant Project</i>	16,701,641,643	-	7,021,893,368	-
<i>Nhon Trach 2 Power Plant Project</i>	-	-	11,414,042,758	-
<i>Others</i>	1,448,685,354	-	5,307,747,684	-
Total	18,162,796,131	-	23,859,848,731	-

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

5.7 Prepaid expenses

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Short-term	23,379,251	64,113,118
Prepaid materials, tools and supplies expenses	-	21,983,871
Others	23,379,251	42,129,247
Long-term	24,864,793,592	23,175,578,097
Long-term office rental costs (*)	20,980,465,005	21,608,309,349
Others	3,884,328,587	1,567,268,748
Total	24,888,172,843	23,239,691,215

(*) Office rental fee under a long-term lease contract with Viet Nguyen Investment and Trading Company Limited, the Company leases the entire 7th floor of HH3 Song Da building for a period of 49 years from June 21st, 2010, the total one-time payment is VND 32,402,000,000. The prepaid office rental fee will be allocated to the annual expenses corresponding to the lease term.

5.8 Tangible fixed assets

Unit: VND

	Buildings and Structures	Machinery, equipment	Transportation means	Office equipment	Total
HISTORY COST					
As at 01/01/2024	1,334,200,000	44,386,242,595	21,842,451,775	22,932,200,863	90,495,095,233
Increase	75,000,000	5,132,621,600	4,080,000,000	139,370,000	9,426,991,600
Purchase	75,000,000	5,132,621,600	-	139,370,000	5,346,991,600
Reclassify	-	-	4,080,000,000	-	4,080,000,000
Decrease	-	4,630,234,000	-	832,304,224	5,462,538,224
Disposal	-	550,234,000	-	832,304,224	1,382,538,224
Reclassify	-	4,080,000,000	-	-	4,080,000,000
As at 31/12/2024	1,409,200,000	44,888,630,195	25,922,451,775	22,239,266,639	94,459,548,609
ACCUMULATED DEPRECIATION					
As at 01/01/2024	1,334,200,000	34,704,576,673	18,787,123,722	22,386,992,396	77,212,892,791
Increase	846,774	1,625,261,089	5,375,715,275	310,819,853	7,312,642,991
Depreciation	846,774	1,625,261,089	1,879,715,333	310,819,853	3,816,643,049
Reclassify	-	-	3,495,999,942	-	3,495,999,942
Decrease	-	4,046,233,942	-	832,304,224	4,878,538,166
Disposal	-	550,234,000	-	832,304,224	1,382,538,224
Reclassify	-	3,495,999,942	-	-	3,495,999,942
As at 31/12/2024	1,335,046,774	32,283,603,820	24,162,838,997	21,865,508,025	79,646,997,616
NET BOOK VALUE					
As at 01/01/2024	-	9,681,665,922	3,055,328,053	545,208,467	13,282,202,442
As at 31/12/2024	74,153,226	12,605,026,375	1,759,612,778	373,758,614	14,812,550,993

The cost of tangible fixed assets that are fully depreciated but still in use as at 31/12/2024 is VND 65,029,261,075 (as at 01/01/2024 is VND 61,721,112,661).

**PETROVIETNAM POWER SERVICES
JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 09 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

5.9 Intangible fixed assets

	IT software VND	Total VND
HISTORY COST		
As at 01/01/2024	2,288,155,290	2,288,155,290
Increase	-	-
Decrease	-	-
As at 31/12/2024	2,288,155,290	2,288,155,290
ACCUMULATED AMORTIZATION		
As at 01/01/2024	2,288,155,290	2,288,155,290
Increase	-	-
Decrease	-	-
As at 31/12/2024	2,288,155,290	2,288,155,290
NET BOOK VALUE		
As at 01/01/2024	-	-
As at 31/12/2024	-	-

The original cost of fully amortized intangible fixed assets still in use at 31/12/2024 and 01/01/2024 is VND 2,288,155,290.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

5.10 Long-term investments

	Ratio		31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Equity owned	Voting rights	Original cost	Fair value	Provision	Original cost	Fair value	Provision
Investments in other entities			5,040,000,000		-	5,040,000,000		-
Petroleum Information Technology Telecom And Automation Joint Stock Company	11.90%	11.90%	5,040,000,000	(i)	-	5,040,000,000	(i)	-
Total			5,040,000,000		-	5,040,000,000		-

(i) The Company has not determined the fair value of financial investments in unlisted companies at the end of the accounting period because current regulations do not provide specific guidance on determining the fair value of these financial investments.

PETROVIETNAM POWER SERVICES**JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 09 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

5.11 Trade payables

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Book value	Repayable amount	Book value	Repayable amount
Short-term	45,895,258,547	45,895,258,547	28,394,381,980	28,394,381,980
Megarig Industries Company Limited	-	-	2,991,295,911	2,991,295,911
Liberico Joint Stock Company	-	-	5,451,145,810	5,451,145,810
Tam Thanh Phat Technical & Trading Services Co., Ltd.	9,705,700,125	9,705,700,125	3,726,456,975	3,726,456,975
XL Manpower And Technical Services Joint Stock Company	6,885,546,278	6,885,546,278	5,479,726,919	5,479,726,919
DESIGN BUILT PRIVATE LIMITED	1,816,318,386	1,816,318,386	1,735,920,120	1,735,920,120
Unicom Investment And Development Joint Stock Company	5,431,200,000	5,431,200,000	-	-
Others	22,056,493,758	22,056,493,758	9,009,836,245	9,009,836,245
Total	45,895,258,547	45,895,258,547	28,394,381,980	28,394,381,980

5.12 Prepayments from customers

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Short-term	10,993,626,666	1,192,198,584
PetroVietnam Power Corporation	294,315,000	294,315,000
Sumec Complete Equipment & Engineering Co.,Ltd	897,883,584	897,883,584
PetroVietnam Power Technical Services Center	7,567,183,638	-
AES-VCM Mong Duong Power Co.,Ltd	2,234,244,444	-
Total	10,993,626,666	1,192,198,584

In which:

Prepayments from related parties (Details in Note 7.1)	7,861,498,638	294,315,000
--	----------------------	--------------------

5.13 Taxes and receivables, payables to the State Budget

	Unit: VND			
	01/01/2024	Additions	Paid	31/12/2024
Payables	3,585,984,751	21,065,043,902	19,084,185,548	5,566,843,105
VAT	251,184,283	10,498,317,143	6,740,105,620	4,009,395,806
Import-export tax	-	2,519,924,206	2,519,924,206	-
Corporate income tax	3,014,502,834	5,355,942,841	7,123,144,658	1,247,301,017
Personal income tax	320,297,634	2,686,859,712	2,697,011,064	310,146,282
License fee	-	4,000,000	4,000,000	-

PETROVIETNAM POWER SERVICES**JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 09 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

5.14 Accrued expenses

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Short-term	1,164,458,005	4,408,532,293
Study tour costs	-	675,694,445
Cost of work summary conference	-	278,000,000
Corporate Brand Management Costs	235,000,000	238,900,000
Cost of vocational training and technical innovation initiatives	-	949,077,559
Uniform cost	-	1,871,415,000
Toxic allowance costs	287,613,356	-
Other expenses provision	641,844,649	395,445,289
Total	1,164,458,005	4,408,532,293

5.15 Other payables

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Short-term	5,962,040,257	7,055,835,778
Trade Union fees	367,746,258	415,302,980
Social insurance	281,318,281	226,498,710
Health insurance	103,358,401	93,459,292
Unemployment insurance	83,058,737	82,697,893
Short-term deposits received	50,250,000	50,250,000
Other payables	5,076,308,580	6,187,626,903
<i>Dividend, profit payables</i>	<i>1,195,775,584</i>	<i>1,022,546,057</i>
<i>Others</i>	<i>3,880,532,996</i>	<i>5,165,080,846</i>
Total	5,962,040,257	7,055,835,778

PETROVIETNAM POWER SERVICES**JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 09 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

5.16 Owners' equity**a. Changes of owners' equity***Unit: VND*

	Share capital	Development and Investment Fund	Retained profits	Total
As at 01/01/2023	150,000,000,000	20,686,994,576	18,612,805,734	189,299,800,310
Profit in the previous year	-	-	17,690,519,694	17,690,519,694
Appropriation to equity funds	-	-	(3,693,979,472)	(3,693,979,472)
Dividends	-	-	(14,850,000,000)	(14,850,000,000)
As at 31/12/2023	150,000,000,000	20,686,994,576	17,759,345,956	188,446,340,532
As at 01/01/2024	150,000,000,000	20,686,994,576	17,759,345,956	188,446,340,532
Profit in this year	-	-	18,601,248,084	18,601,248,084
Appropriation to welfare reward fund (*)	-	-	(3,538,103,938)	(3,538,103,938)
Dividends (*)	-	-	(14,100,000,000)	(14,100,000,000)
As at 31/12/2024	150,000,000,000	20,686,994,576	18,722,490,102	189,409,484,678

(*) According to Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders No. 64/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT dated April 10th, 2024, in which the bonus and welfare fund is set aside at VND 3,538,103,938; dividends are distributed at VND 14,100,000,000.

b. Details of owners' equity

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Petrovietnam Power Corporation	76,500,000,000	76,500,000,000
YTL Power Service Sdn.Bhd.	27,000,000,000	27,000,000,000
America LLC	13,466,000,000	11,888,000,000
Others	33,034,000,000	34,612,000,000
Total	150,000,000,000	150,000,000,000

c. Capital transactions with shareholders and appropriation of profits and dividends

	In 2024 VND	In 2023 VND
Shareholders' capital		
Opening balance	150,000,000,000	150,000,000,000
Increased during the period	-	-
Decreased during the period	-	-
Closing balance	150,000,000,000	150,000,000,000
Dividend, Profit distribution	14,100,000,000	14,850,000,000

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

5.17 Owners' equity (Continued)

d. Shares

	31/12/2024	01/01/2024
	Shares	Shares
Quantity of registered shares	15,000,000	15,000,000
Quantity of issued shares	15,000,000	15,000,000
Common shares	15,000,000	15,000,000
Preferred shares	-	-
Outstanding shares	15,000,000	15,000,000
Common shares	15,000,000	15,000,000
Preferred shares	-	-
Par value of outstanding shares (VND/ shares)	10,000	10,000

6 ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INCOME STATEMENT

6.1 Revenue from sales of goods and provision of services

	In 2024	In 2023
	VND	VND
Revenue from sale of materials and goods	42,834,761,422	-
Revenue from provision of services	329,788,217,057	303,639,860,524
Total	372,622,978,479	303,639,860,524
<i>In which:</i>		
<i>Revenue from related parties</i> <i>(Details in Note 7.1)</i>	<i>234,680,979,085</i>	<i>236,480,241,358</i>

6.2 Cost of goods sold

	In 2024	In 2023
	VND	VND
Costs of goods sold	41,402,065,115	-
Cost of services rendered	268,710,752,867	240,016,200,699
Total	310,112,817,982	240,016,200,699

6.3 Financial income

	In 2024	In 2023
	VND	VND
Interest income from deposits	3,484,546,842	6,187,714,916
Dividends income and profit	453,600,000	403,200,000
Foreign exchange gains	-	5,070,490
Total	3,938,146,842	6,595,985,406

PETROVIETNAM POWER SERVICES**JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 09 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

6.4 Financial income

	In 2024 VND	In 2023 VND
Interest expense	33,335,617	-
Foreign exchange losses	1,562,662	21,665,145
Exchange rate difference loss due to reassessment of year-end balance	80,554,099	48,059,508
Total	115,452,378	69,724,653

6.5 General and administration expenses

	In 2024 VND	In 2023 VND
General and administrative expenses	41,812,792,953	44,159,902,919
Employee expenses	25,850,947,045	25,869,800,238
Materials expenses	2,044,643,022	1,964,416,175
Amortization and Depreciation expenses	499,450,141	552,137,770
Charges and fee	125,135,874	164,233,971
Outsourcing expenses	7,094,059,372	10,194,506,672
Other cash expense	6,198,557,499	5,414,808,093
Tổng	41,812,792,953	44,159,902,919

6.6 Other income/ Other expenses

	In 2024 VND	In 2023 VND
Other income		
Liquidation of fixed assets	1,868,182	2,004,545
Fines collected	89,536,383	262,616,337
Others	13,049,092	31,232,368
Total	104,453,657	295,853,250
Other expenses		
Penalty for breach of contract	299,146,477	2,393,992,896
Fines for late payment of taxes, social insurance, and tax arrears	368,178,263	800,702
Others	-	301,334
Total	667,324,740	2,395,094,932
Net other income/ expenses	(562,871,083)	(2,099,241,682)

PETROVIETNAM POWER SERVICES**JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 09 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

6.7 Current corporate income tax expense

	In 2024 VND	In 2023 VND
Total net profit before tax	23,957,190,925	23,890,775,977
Increase adjustment	834,256,339	7,491,715,437
<i>Remuneration of Boards of Management, Supervisors not directly involved in management</i>	252,000,000	252,000,000
<i>Non-Deductible Expenses</i>	582,256,339	7,239,715,437
Decrease	1,431,842,595	443,444,934
<i>Adjustment to reduce accrued expenses</i>	302,548,150	40,244,934
<i>Loss of branches</i>	453,600,000	403,200,000
<i>The tax authority's accounting expenses from the previous year are transferred to this year</i>	675,694,445	-
Taxable income	23,359,604,669	30,939,046,480
Corporate Income Tax rate	20%	20%
Current corporate income tax expense	4,671,920,934	6,187,809,296
Adjustment of corporate income tax of previous years	684,021,907	12,446,987
Current corporate income tax expense	5,355,942,841	6,200,256,283

6.8 Basic earnings per share

	In 2024 VND	Năm 2023 VND (Re-present)
Profit after corporate income tax	18,601,248,084	17,690,519,694
Adjustments		
<i>Amount distracted from bonus and welfare funds (*)</i>	-	(3,538,103,938)
Profit / Loss distributable to common shareholders	18,601,248,084	14,152,415,756
Average quantity of outstanding common shares	15,000,000	15,000,000
Basic earnings per share (VND/ share)	1,240	943

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

6.8 Basic earnings per share (Continued)

(*) At the date of the Financial Statements, The Company has not yet reliably estimated the amount appropriated to the bonus, welfare and executive bonus funds for the period ending December 31st, 2024 because the Company's General Meeting of Shareholders has not yet decided on the appropriation rate for these funds. If the amount appropriated to the bonus, welfare and executive bonus funds for the period ending December 31st, 2024 is excluded, net profit attributable to common shareholders will decrease and basic earnings per share will also decrease accordingly.

Basic earnings per share for the accounting period ending December 31st, 2023 are restated because in 2024, the Company distributed profits in accordance with Resolution No. 64/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT dated April 10th, 2024, including a bonus and welfare fund of VND 3,538,103,938. Therefore, determining the profit for shareholders owning common shares to calculate basic earnings per share for the operating period ending December 31st, 2023 is deducted by half of the above amount. Basic earnings per share presented for the accounting period ending December 31st, 2023 from VND 1,179/share to VND 943/share. Specifically, as follows.

	In 2023 VND (Presented)	In 2023 VND (Re-present)	Difference
Profit after corporate income tax	17,690,519,694	17,690,519,694	-
<i>Amount distracted from bonus and welfare funds (*)</i>	-	(3,538,103,938)	(3,538,103,938)
Profit / Loss distributable to common shareholders	17,690,519,694	14,152,415,756	(3,538,103,938)
Average quantity of outstanding common shares	15,000,000	15,000,000	-
Basic earnings per share (VND/ share)	1,179	943	(236)

6.9 Production and business expenses by factors

	In 2024 VND	In 2023 VND
Raw material expenses	24,622,933,430	15,595,880,556
Employee expenses	182,273,364,741	147,936,293,539
Amortization and Depreciation expenses	3,816,643,049	4,444,688,196
Outsourcing expenses	79,957,580,956	108,710,648,115
Other cash expenses	17,640,486,948	10,564,685,760
Total	308,311,009,124	287,252,196,166

**PETROVIETNAM POWER SERVICES
JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 09 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

7 OTHER INFORMATION

7.1 Information of related parties

The Company's related parties include:

Related parties	Relations
Petrovietnam Power Corporation (PVPower)	Parent company
Petro Vietnam Camau Power Company (under PVPower)	Units under the parent company
Nhon Trach Oil and Gas Power Company (under PVPower)	Units under the parent company
Ha Tinh Oil and Gas Power Company (under PVPower)	Units under the parent company
Technical Service Center (PVPTSC) (under PVPower)	Units under the parent company
Petrovietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company	Same parent company
Dakdrinh Hydropower Joint Stock Company	Same parent company
Hua Na Hydropower Joint Stock Company	Same parent company
Petro Power Renewable Energy Joint Stock Company	Same parent company
Long Phu 1 Oil and Gas Power Project Management Board	Unit under Vietnam Oil and Gas Group
Song Hau 1 Oil and Gas Power Project Management Board	Unit under Vietnam Oil and Gas Group
Petrovietnam Power Generation Branch	Unit under Vietnam Oil and Gas Group
Petroleum Telecommunication Information Technology and Automation Joint Stock Company (PAIC)	Mr.Phan Xuan Thang - Deputy Director (member of the Board of Directors and the capital representative of PPS at PAIC)
Members of the Boards of Management, Directors, Supervisors, Managers and individuals related to key management members	Significant influence

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

7.1 Information of related parties (Continued)

The Company has the following transactions with related parties:

a. Remuneration for Boards of Management, Supervisors and Directors

Related parties	Nature of transaction	In 2024 VND	In 2023 VND
Remuneration for Board of Management, Supervisors and Directors	Salary and remuneration	5,645,977,790	5,866,829,769

Details are as follows:

Full name	Title	In 2024 VND	In 2023 VND
Mr. Bui Duy Nhi	Chairman	879,172,342	932,387,615
Mr. Vu Anh Tuan	Member and Director	878,562,749	932,040,028
Mr. Phan Ngoc Anh	Member (Dismissed from 20/4/2023)	-	15,000,000
Mr. Ho Nguyen Hoang	Member	686,735,771	440,078,599
Ms. Hoang Ha Quynh Giao	Member	60,000,000	60,000,000
Mr. Vu Huy An	Member	60,000,000	60,000,000
Mr. Phung Van Duc	Deputy Director	724,397,935	758,748,715
Mr. Phan Xuan Thang	Deputy Director	728,672,463	787,884,615
Mr. Le Van Tu	Deputy Director	775,829,253	785,322,170
Mr. Bui Van Chinh	Deputy Director	720,607,276	709,284,188
Mr. Pham Hung Anh	Head of Supervisors Board (Dismissed from 20/4/2023)	-	269,083,839
Mr. Nguyen Quang Dong	Head of Supervisors	60,000,000	54,000,000
Ms. Nguyen Thi Mai Hoa	Supervisors	36,000,000	27,000,000
Ms. Nghiem Thi Phuong	Supervisors	36,000,000	36,000,000

**PETROVIETNAM POWER SERVICES
JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 09 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

7.1 Information of related parties (Continued)

b. Transactions with related parties

Related parties	Relations	Nature of transaction	In 2024 VND	In 2023 VND
Purchase of goods			1,205,245,301	1,335,800,031
Petro Vietnam Camau Power Company	Under the parent company	Service Provider	1,080,894,355	1,195,538,421
Nhon Trach Oil and Gas Power Company	Under the parent company	Service Provider	124,350,946	140,261,610
Sales of goods			234,680,979,085	236,480,241,358
Nhon Trach Oil and Gas Power Company	Under the parent company	Service Provider	21,177,575,188	14,319,159,136
PETROVIETNAM Power Corporation	Under the parent company	Service Provider	33,973,412,764	76,085,575,738
Ha Tinh Oil and Gas Power Company	Under the parent company	Service Provider	60,577,726,947	75,260,067,162
Technical Service Center (PVPTSC)	Under the parent company	Service Provider	63,770,873,715	22,595,354,237
Petrovietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company	Same parent company	Service Provider	51,030,401,555	45,019,626,201
Song Hau 1 Petroleum Power Project Management Board	Under Vietnam Oil and Gas Group	Service Provider	-	434,714,727
Petro Power Renewable Energy Joint Stock Company	Same parent company	Service Provider	699,988,916	-
Petrovietnam Power Generation Branch	Under Vietnam Oil and Gas Group	Service Provider	3,451,000,000	-
Hua Na Hydropower Joint Stock Company	Same parent company	Service Provider	-	2,119,207,794
Long Phu 1 Petroleum Power Project Management Board	Under Vietnam Oil and Gas Group	Service Provider	-	646,536,363
Contract fines			-	2,387,632,896
Ha Tinh Oil and Gas Power Company	Same parent company	Contract fines	-	2,387,632,896

**PETROVIETNAM POWER SERVICES
JOINT STOCK COMPANY**

7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban,
My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

Form B 09 - DN

Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
December 22nd, 2014 of the Ministry of Finance

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

For the period ended 31/12/2024

7.1 Information of related parties (Continued)

c. Related Party Balance

Related parties	Nature of transaction	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Receivables from customers		102,013,361,991	82,576,079,940
Nhon Trach Oil and Gas Power Company	Under the parent company	-	3,546,640,264
Petrovietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company	Same parent company	6,606,186,471	12,800,343,498
Ha Tinh Oil and Gas Power Company	Under the parent company	15,824,484,104	18,652,639,071
Petro Vietnam Camau Power Company	Under the parent company	10,242,380,066	47,519,934,227
PetroVietnam Power Technical Services Center	Under the parent company	68,931,928,863	56,522,880
Petro Power Renewable Energy Joint Stock Company	Same parent company	126,502,487	-
Petrovietnam Power Generation Branch - Vietnam Oil and Gas Group	Under Vietnam Oil and Gas Group	281,880,000	-
Prepayments from customers		7,861,498,638	294,315,000
Petrovietnam Power Corporation	Parent company	294,315,000	294,315,000
PetroVietnam Power Technical Services Center	Under the parent company	7,567,183,638	-

7.2 Comparative figures

Comparative figures are taken from the financial statements for the year ended December 31st, 2023, which have been audited by AASC Auditing Company Limited.

Hanoi, February 28th, 2025

Preparer



Hoang Thi Hong Trang

Chief Accountant



Le Dinh Thai

Director



Vu Anh Tuan